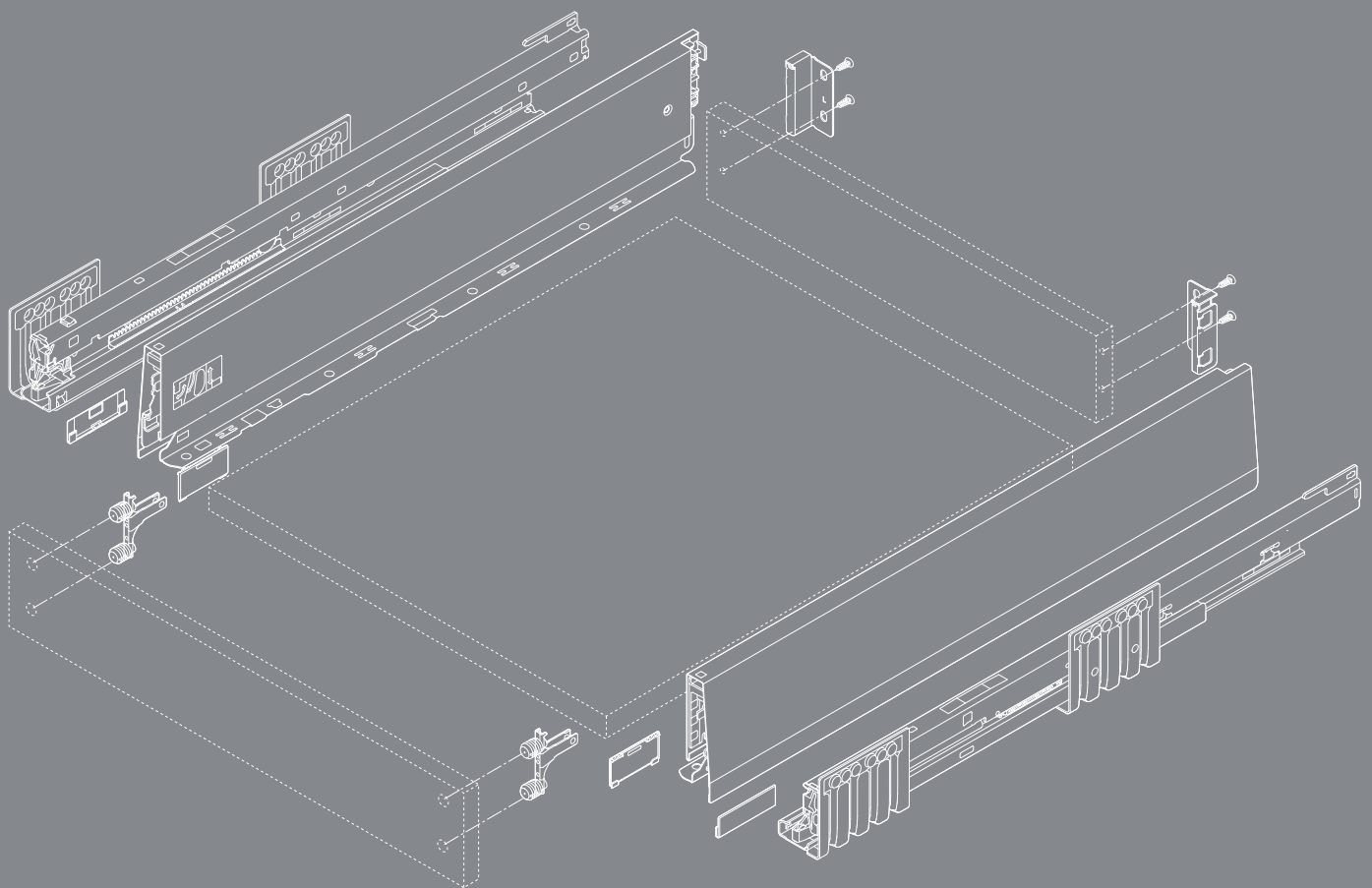


# MERIVOBX

Thông tin đặt hàng và thông  
tin triển khai bản vẽ



Hãy tạo ra-  
Các nền tảng cho các  
ý tưởng của bạn





### Mục lục

**06** Tổng quan về dòng sản phẩm

**08** Ngăn kéo – chiều cao N

**12** Ngăn kéo – chiều cao M

**16** Ngăn kéo âm – chiều cao M

**20** Ngăn kéo – chiều cao K

**24** Ngăn kéo âm – chiều cao K

### Ngăn kéo cao – chiều cao E

**28** – MERIVOBX modular dạng mô-đun với thanh nâng cấp

**32** – MERIVOBX modular dạng mô-đun với BOXCOVER

**36** – MERIVOBX modular dạng mô-đun với BOXCAP

### Ngăn kéo âm – chiều cao E

**40** – Mặt trước có thanh nâng cấp

**44** – Mặt trước có thành thiết kế

**48** Lớp ngoài cùng của ray trượt mở hết ra ngoài  
cho các ứng dụng ngăn chứa thùng rác

**50** Ngăn kéo dưới chậu rửa – chiều cao M

**54** Ngăn kéo dưới chậu rửa – chiều cao E

**58** Lắp đặt ray trượt

**59** Phụ kiện bổ sung

**62** Các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt

**64** SERVO-DRIVE

**64** TIP-ON BLUMOTION

**67** Kích thước cắt ván cho khay để dao / thảm chống trượt

**68** AMBIA-LINE

# Các dịch vụ của Blum

## Chìa khóa mang lại hiệu quả vượt trội

Yếu tố nào giúp bạn thực hiện thành công các dự án của mình? Có 2 yếu tố quan trọng, đó là các sản phẩm chất lượng cao và các dịch vụ mà chúng tôi cung cấp. Các dịch vụ được thiết kế chính xác qua từng bước trong chuỗi quy trình theo nhu cầu của bạn, giúp bạn làm việc hiệu quả hơn và nhờ đó tiết kiệm được thời gian đáng kể.



### Các dịch vụ cá nhân

Liên hệ trực tiếp để được hỗ trợ với tiêu chí khách hàng là trung tâm



### Dịch vụ Kỹ thuật số

Hỗ trợ kỹ thuật số để đạt được hiệu quả cao hơn



### Dịch vụ kho vận

Các quy trình được tối ưu hóa để giao hàng nhanh chóng



### Thiết bị lắp đặt

Công cụ thiết thực cho việc lắp đặt chính xác



### Dịch vụ giao tiếp

Tài liệu đầy đủ cho Mục tiêu tiếp thị



Tìm dịch vụ thích hợp để đáp ứng yêu cầu của bạn:

[www.blum.com/services530](http://www.blum.com/services530)

# Bộ đẩy được cải tiến



## Nền tảng

Chỉ cần sử dụng vài bộ phận để tạo ra dòng sản phẩm đa dạng của riêng bạn. Và đồng thời, quy trình sản xuất đồ nội thất của bạn thậm chí còn trở nên hiệu quả hơn. Đa dạng nhưng đơn giản.

## Thiết kế

MERIVOBX có những đường thẳng và thiết kế ấn tượng. Tạo ra bộ sản phẩm nội thất đa dạng và hoàn hảo của riêng bạn! Sự tối giản hiện đại kết hợp với thiết kế độc đáo.

## Tính năng

MERIVOBX sẽ truyền cảm hứng cho khách hàng của bạn trong toàn bộ thời gian sử dụng của sản phẩm nội thất. Khái niệm mới về lớp ngoài cùng của ray trượt được phát triển nhằm tạo ra chuyển động trượt cực kỳ êm ái cùng khả năng tải nặng nhưng vẫn mượt mà và tăng cường độ ổn định.

## Lắp đặt

Một ý tưởng được cân nhắc kỹ lưỡng. Dù bạn chọn mẫu sản phẩm nào, thì bạn vẫn luôn có thể lắp đặt đơn giản và điều chỉnh dễ dàng. Bạn còn có thể đạt được kết quả chính xác một cách cực kỳ dễ dàng.

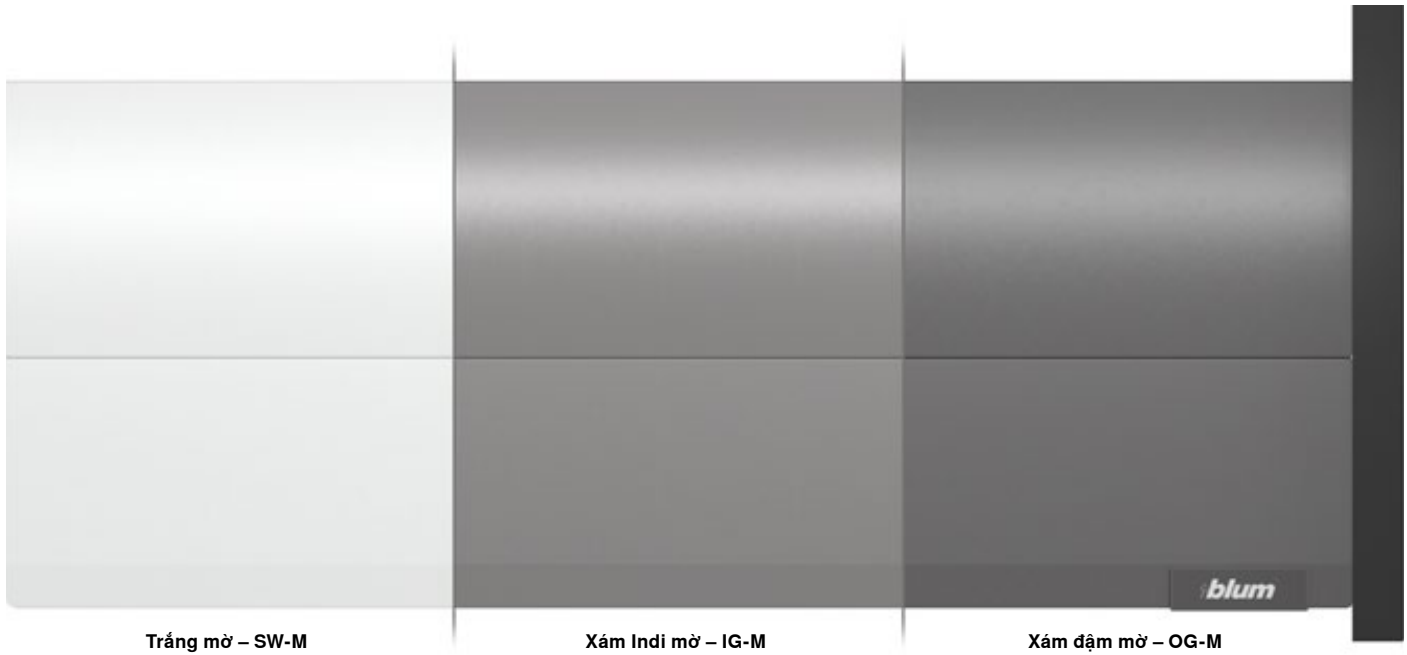
# Tổng quan về các dòng sản phẩm của chúng tôi



## Thông tin

- Thành ngăn kéo bằng thép màu trắng mờ, xám Indi mờ và xám đậm mờ
- Thiết kế thành ngăn kéo độc đáo
- Thẳng thớm bên trong với nắp đáy phẳng
- Tính năng trượt êm đồng bộ
- Lắp mặt trước vào vị trí cố định và chỉ cần cài vào (gắn dễ dàng ngay cả khi ngăn kéo đã nằm vào vị trí)
- Điều chỉnh mặt trước 3 chiều

## Các loại màu



## Chiều cao thành ngăn kéo

### Ngăn kéo



Chiều cao N  
68.5 mm



Chiều cao M  
91 mm



Chiều cao K  
129 mm

### Ngăn kéo âm



Chiều cao M  
91 mm



Chiều cao K  
129 mm

### Ngăn kéo cao



Chiều cao E  
192 mm



Chiều cao E  
192 mm



Chiều cao E  
192 mm



Chiều cao E  
192 mm

### Ngăn kéo âm (sử dụng BOXCAP làm ví dụ)



Chiều cao E  
192 mm



Chiều cao E  
192 mm



Chiều cao E  
192 mm

### Ngăn kéo chậu rửa



Chiều cao M  
91 mm



Chiều cao E  
192 mm

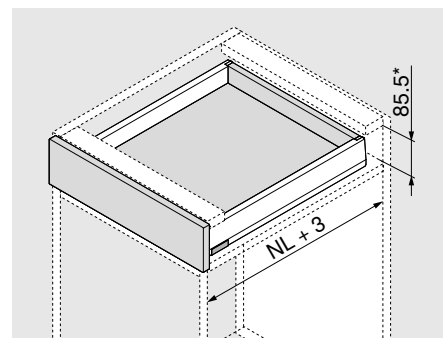
## Sản phẩm



## Mô tả

- Lớp ngoài cùng của ray trượt BLUMOTION cho tất cả các ứng dụng với giao diện cho TIP-ON BLUMOTION, có bộ thanh cân bằng ngăn kéo
- Có thể sử dụng chung với SERVO-DRIVE

## Yêu cầu về không gian

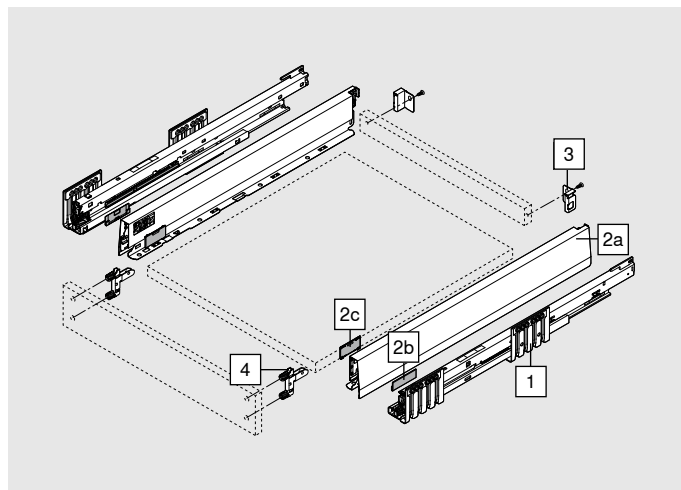


NL Chiều dài ray

\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

## Thông tin đặt hàng

| 1                                               | Ray trượt trái/phải   |            |
|-------------------------------------------------|-----------------------|------------|
|                                                 | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |
|                                                 |                       | 40 kg      |
|                                                 | 400                   | 450.4001B  |
|                                                 | 450                   | 450.4501B  |
|                                                 | 500                   | 450.5001B  |
|                                                 | 550                   | 450.5501B  |
| * Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION |                       |            |



| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |      |      |
|---|-------------------------------|---|------|------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | N | 68.5 |      |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |      |      |
|   | 400                           |   |      | SW-M |
|   | 450                           |   |      | IG-M |
|   | 500                           |   |      | OG-M |
|   | 550                           |   |      |      |

### Bao gồm:

|    |     |                                                                 |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------|
| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                        |
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được in logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                         |

| 3 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |          |
|---|-------------------------------------|-----------|----------|
|   | Chiều cao                           | Chất liệu |          |
|   | N                                   | Thép      |          |
|   |                                     |           | SW-M     |
|   |                                     |           | IG-M     |
|   |                                     |           | OG-M     |
|   |                                     |           | ZB4N000S |

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                   |                         |     |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----|----------|
|  | <b>4 Khớp nối trước</b> |     |          |
|                                                                                   | <b>Phương pháp lắp</b>  |     |          |
|                                                                                   | EXPANDO T               | 2 x | ZF4.10T2 |
|                                                                                   | INSERTA                 | 2 x | ZF4.10I2 |
|                                                                                   | Bắt vít*                | 2 x | ZF4.1002 |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                   |                         |     |          |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                         |                         |     |          |

## Phụ kiện bổ sung

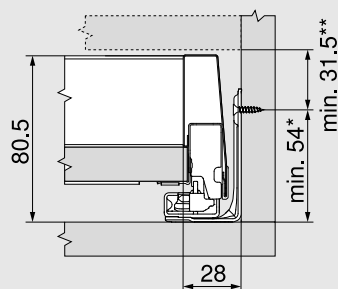
| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                      |        |                |                                  |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |          |
|                                                                                   | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                   | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |          |

| Hệ thống vít                                                                        |        |                |                                  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|-------------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |             |
|                                                                                     | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

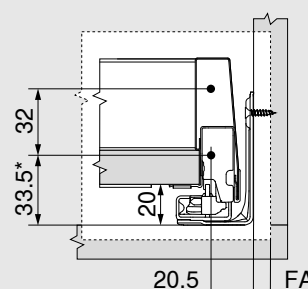
### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

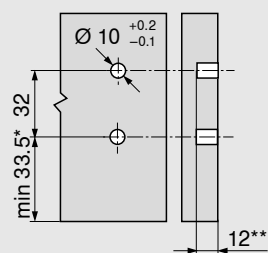
### Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

FA Lớp mạ mặt trước

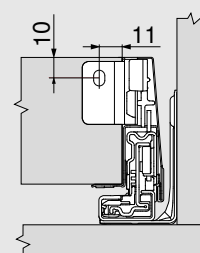
### Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

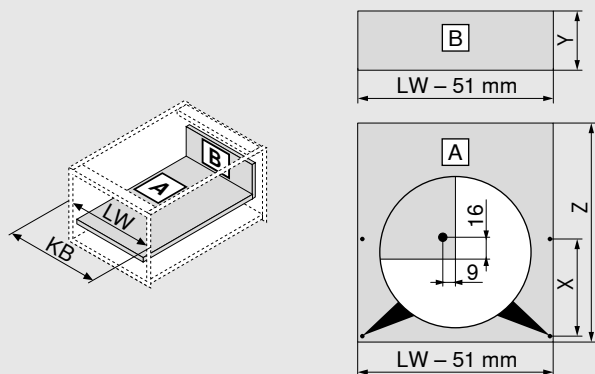
\*\* Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T

### Kích thước lắp đặt mặt sau



## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 60.5    |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | > 400   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray                         |         |         |

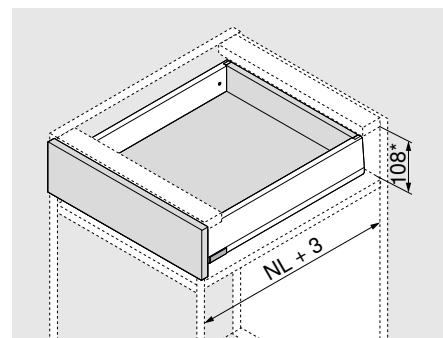
## Sản phẩm



## Mô tả

- Lớp ngoài cùng của ray trượt BLUMOTION cho tất cả các ứng dụng với giao diện cho TIP-ON BLUMOTION, có bộ thanh cân bằng ngăn kéo
- Có thể sử dụng chung với SERVO-DRIVE

## Yêu cầu về không gian



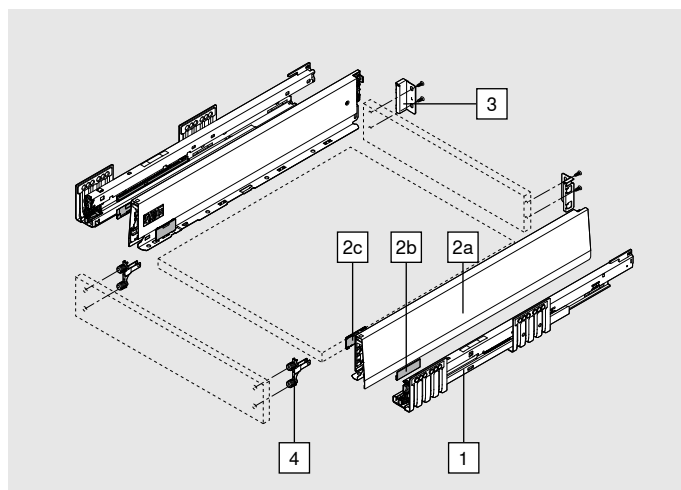
NL Chiều dài ray

\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

## Thông tin đặt hàng

| 1 | Ray trượt trái/phải   | BLUMOTION* |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | Chiều dài ray NL (mm) |            |           |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



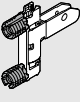
| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |    |      |
|---|-------------------------------|---|----|------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | M | 91 |      |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |    |      |
|   | 270                           |   |    | SW-M |
|   | 300                           |   |    | IG-M |
|   | 350                           |   |    | OG-M |
|   | 400                           |   |    |      |
|   | 450                           |   |    |      |
|   | 500                           |   |    |      |
|   | 550                           |   |    |      |
|   | 600                           |   |    |      |

Bao gồm:

|    |     |                                                                 |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------|
| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                        |
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được in logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                         |

| 3 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |      |          |
|---|-------------------------------------|-----------|------|----------|
|   | Chiều cao                           | Chất liệu | SW-M | IG-M     |
|   | M                                   | Thép      |      |          |
|   |                                     |           |      | ZB4M000S |

## Thông tin đặt hàng

| 4                                                                                 | Khớp nối trước  |     |          |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----|----------|--|
|  | <b>Cách lắp</b> |     |          |  |
|                                                                                   | EXPANDO T       | 2 x | ZF4.10T2 |  |
|                                                                                   | INSERTA         | 2 x | ZF4.10I2 |  |
|                                                                                   | Bắt vít*        | 2 x | ZF4.1002 |  |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                   |                 |     |          |  |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                         |                 |     |          |  |

## Phụ kiện bổ sung

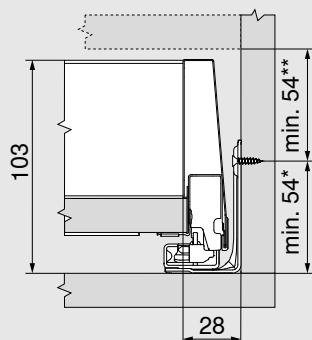
| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                      |        |                |                                  |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |          |
|                                                                                   | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                   | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                             |                                                                                                             |                |                                                                                                   |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|  | Ø (mm)                                                                                                      | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                   | 3.5                                                                                                         | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
|                                                                                   | Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |                |                                                                                                   |          |

| Vít hệ thống                                                                        |        |                |                                  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|-------------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |             |
|                                                                                     | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

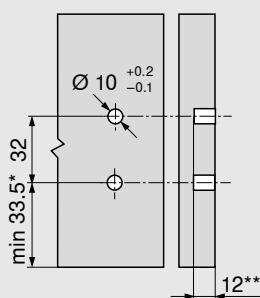
### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

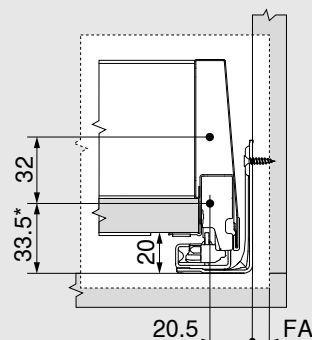
### Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T

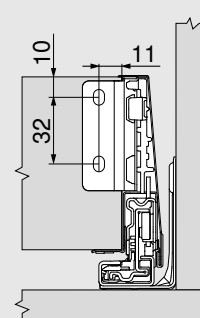
### Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

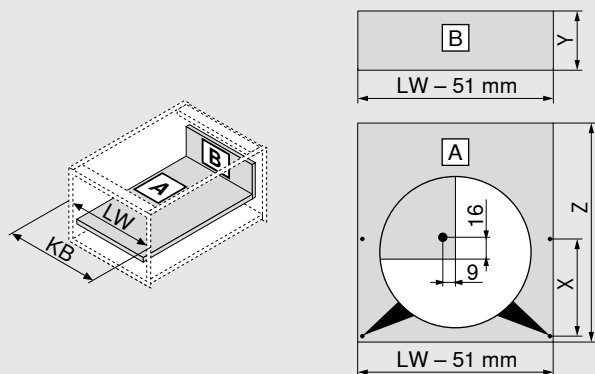
FA Lớp mạ mặt trước

### Kích thước lắp đặt ván hậu



## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 83      |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

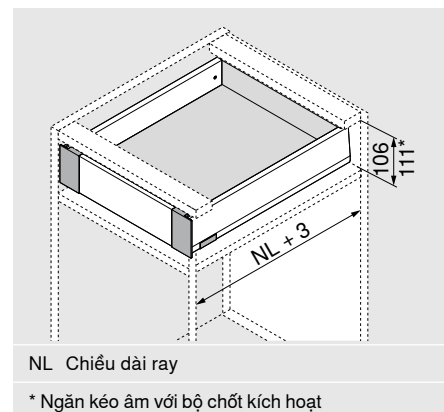
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ngăn kéo âm với mặt trước đóng kín
- Mặt trước và các thành ngăn kéo được phối màu đồng điệu
- Ván hậu chiều cao M
- Vị trí bắt ray trượt giống hệt nhau
- Đối với ngăn kéo âm cho MERIVOBX, SERVO-DRIVE chỉ có thể được kích hoạt khi kéo ngăn kéo

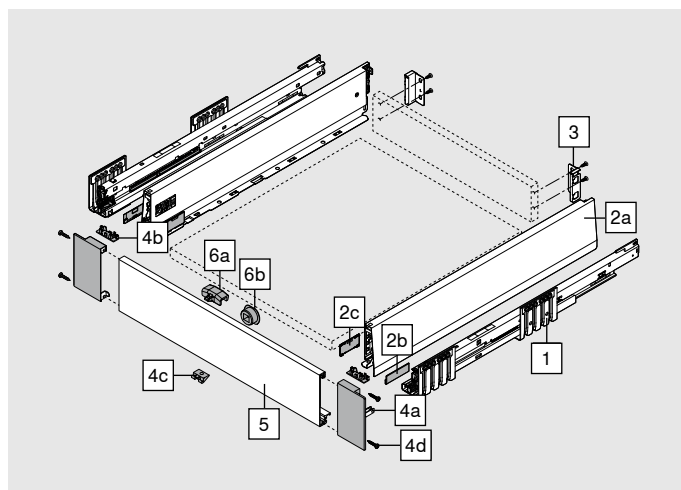
## Yêu cầu về không gian



## Thông tin đặt hàng

| 1 | Ray trượt trái/phải   | BLUMOTION* |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | Chiều dài ray NL (mm) |            |           |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



| 2        | Bộ thành ngăn kéo                   |                                                                 |    |  |      |           |          |
|----------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----|--|------|-----------|----------|
|          | Chiều cao thành ngăn kéo (mm)       | M                                                               | 91 |  | SW-M | IG-M      | OG-M     |
|          | Chiều dài ray NL (mm)               |                                                                 |    |  |      |           |          |
|          | 270                                 |                                                                 |    |  |      | 470M2702S |          |
|          | 300                                 |                                                                 |    |  |      | 470M3002S |          |
|          | 350                                 |                                                                 |    |  |      | 470M3502S |          |
|          | 400                                 |                                                                 |    |  |      | 470M4002S |          |
|          | 450                                 |                                                                 |    |  |      | 470M4502S |          |
|          | 500                                 |                                                                 |    |  |      | 470M5002S |          |
|          | 550                                 |                                                                 |    |  |      | 470M5502S |          |
|          | 600                                 |                                                                 |    |  |      | 470M6002S |          |
| Bao gồm: |                                     |                                                                 |    |  |      |           |          |
| 2a       | 1 x                                 | Thành ngăn kéo trái/phải                                        |    |  |      |           |          |
| 2b       | 2 x                                 | Logo thương hiệu, được in logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |    |  |      |           |          |
| 2c       | 2 x                                 | Nắp dẫy                                                         |    |  |      |           |          |
| 3        | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |                                                                 |    |  |      |           |          |
|          | Chiều cao                           | Chất liệu                                                       |    |  | SW-M | IG-M      | OG-M     |
|          | M                                   | Thép                                                            |    |  |      |           | ZB4M000S |

## Thông tin đặt hàng

|              |
|--------------|
| <div>4</div> |
|--------------|

### Bao gồm:

|    |     |                          |
|----|-----|--------------------------|
| 4a | 1 x | Khớp nối trước trái/phải |
| 4b | 2 x | Nắp đáy bên trong        |
| 4c | 1 x | Khóa                     |
| 4d | 4 x | Ốc vít                   |

|                                                                                   |                                                |           |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|------|------|
| 5                                                                                 | Mặt trước không có đường rãnh                  |           |      |      |
|  | Chất liệu                                      | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | Nhôm                                           | ZV4.1042M |      |      |
|                                                                                   | Thích hợp cho chiều rộng từ KB lên đến 1200 mm |           |      |      |

### Cắt theo kích thước

|             |                                          |
|-------------|------------------------------------------|
| <b>Cắt:</b> | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 126 mm |
|-------------|------------------------------------------|

## Phụ kiện bổ sung

| 6                                                                                   | Bộ chốt kích hoạt (tùy chọn)* |          |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|------|------|
|  | Chất liệu                     | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | Nhựa                          | Z17.0M07 |      |      |

Chốt kích hoạt phải được gắn trên mặt trước

\* Không thể sử dụng kết hợp với TIP-ON BLUMOTION

### Bao gồm:

|    |     |                                                    |
|----|-----|----------------------------------------------------|
| 6a | 1 x | Bộ phận kích hoạt                                  |
| 6b | 1 x | Ngàm giữ bộ phận kích hoạt (RAL 7037, màu xám đục) |

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                        |               |                       |                                  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|----------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |          |
|                                                                                     | 3.5           | 15                    | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5           | 17                    | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

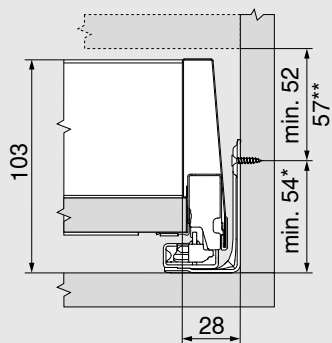
| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                               |               |                       |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                     | 3.5           | 15                    | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
|                                                                                     |               |                       |                                                                                                   |          |

Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo

| Vít hệ thống                                                                        |               |                       |                                  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|-------------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |             |
|                                                                                     | 6             | 14.5                  | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |
|                                                                                     |               |                       |                                  |             |

## Thông số kỹ thuật

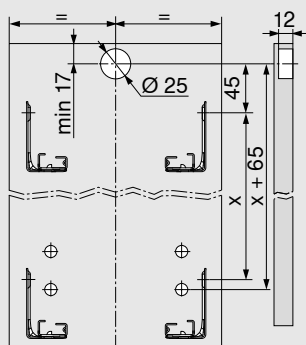
### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



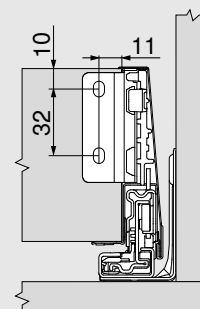
\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Ngăn kéo âm có bộ chốt kích hoạt có thể có chiều cao từ 57 mm

### Khoảng cách khoan mặt trước cho hõm chốt kích hoạt

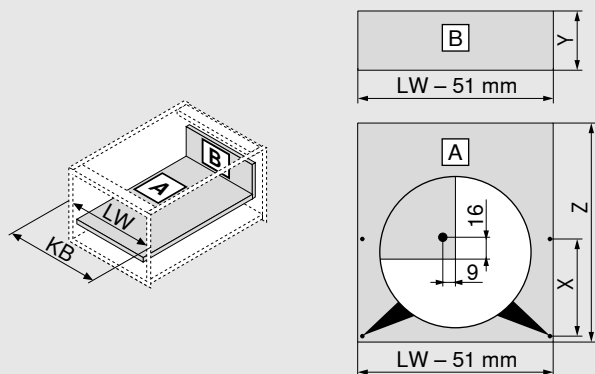


### Kích thước lắp đặt mặt sau



## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 83      |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

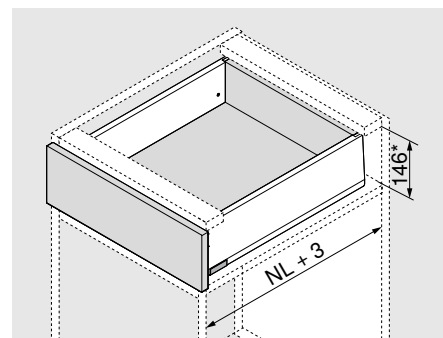
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE (hệ thống mở bằng điện)

## Yêu cầu về không gian



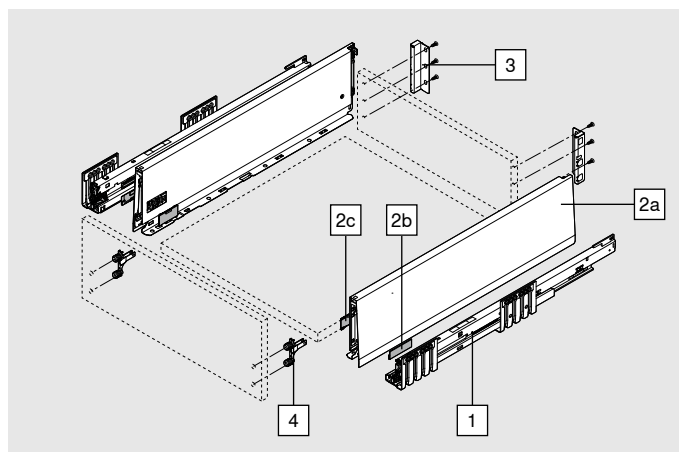
NL Chiều dài ray

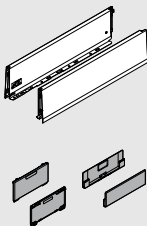
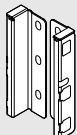
\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

## Thông tin đặt hàng

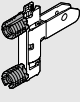
| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



|                                                                                     |                               |                                                                   |           |     |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----------|------|------|
| 2                                                                                   |                               | Bộ thành ngăn kéo                                                 |           |     |           |      |      |
|  | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) |                                                                   | K         | 129 |           |      |      |
|                                                                                     | Chiều dài ray NL (mm)         |                                                                   |           |     | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 300                           |                                                                   |           |     | 470K3002S |      |      |
|                                                                                     | 350                           |                                                                   |           |     | 470K3502S |      |      |
|                                                                                     | 400                           |                                                                   |           |     | 470K4002S |      |      |
|                                                                                     | 450                           |                                                                   |           |     | 470K4502S |      |      |
|                                                                                     | 500                           |                                                                   |           |     | 470K5002S |      |      |
|                                                                                     | 550                           |                                                                   |           |     | 470K5502S |      |      |
|                                                                                     | 600                           |                                                                   |           |     | 470K6002S |      |      |
| Bao gồm:                                                                            |                               |                                                                   |           |     |           |      |      |
| 2a                                                                                  | 1 x                           | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |           |     |           |      |      |
| 2b                                                                                  | 2 x                           | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |           |     |           |      |      |
| 2c                                                                                  | 2 x                           | Nắp đáy                                                           |           |     |           |      |      |
| 3                                                                                   |                               | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải                               |           |     |           |      |      |
|  | Chiều cao                     |                                                                   | Chất liệu |     | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | K                             |                                                                   | Thép      |     | ZB4K000S  |      |      |

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                   |                       |     |          |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|----------|--|
| <b>4</b>                                                                          | <b>Khớp nối trước</b> |     |          |  |
|  | <b>Cách lắp</b>       |     |          |  |
|                                                                                   | EXPANDO T             | 2 x | ZF4.10T2 |  |
|                                                                                   | INSERTA               | 2 x | ZF4.10I2 |  |
|                                                                                   | Bắt vít*              | 2 x | ZF4.1002 |  |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                   |                       |     |          |  |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                         |                       |     |          |  |

## Phụ kiện bổ sung

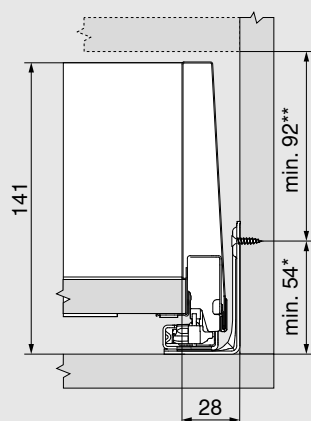
| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                      |               |                       |                                  |          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|----------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |          |
|                                                                                   | 3.5           | 15                    | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                   | 3.5           | 17                    | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |               |                       |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                            | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                                             | 3.5           | 15                    | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo |          |
|                                                                                                             |               |                       |                                                                                                   | 61R.1500 |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |               |                       |                                                                                                   |          |

| Vít hệ thống                                                                        |               |                       |                                  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|-------------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |             |
|                                                                                     | 6             | 14.5                  | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

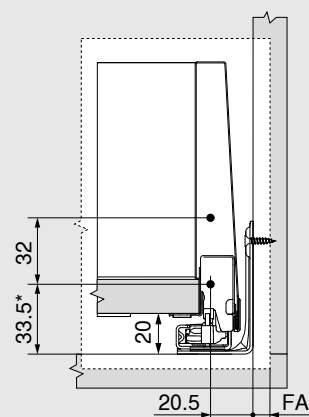
### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

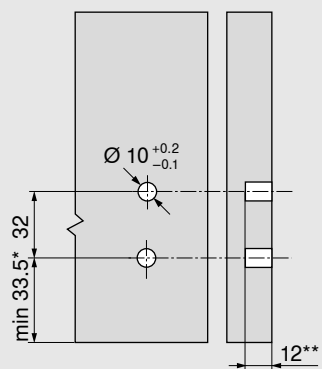
### Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

FA Lớp mạ mặt trước

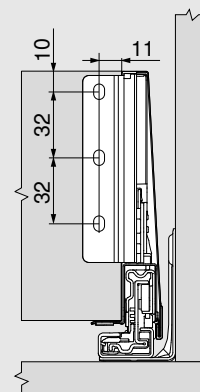
### Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

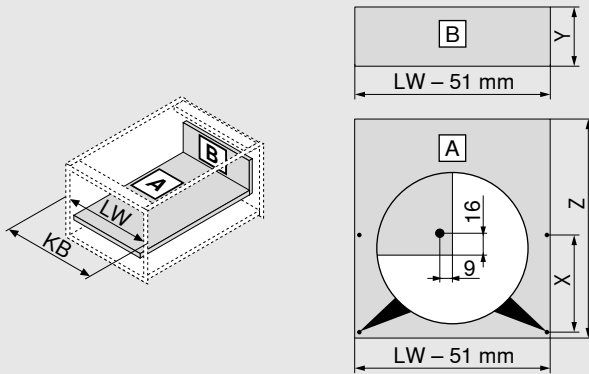
\*\* Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T

### Kích thước lắp đặt ván hậu



## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 121     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

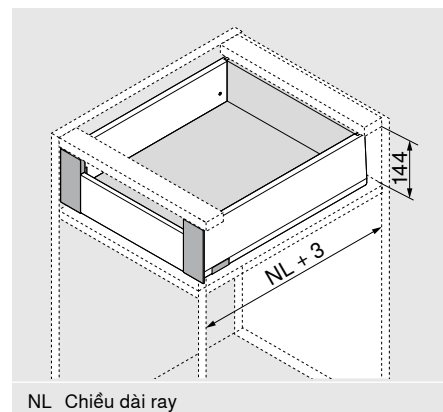
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ngăn kéo âm với mặt trước đóng kín
- Mặt trước và các thành ngăn kéo được phối màu đồng bộ
- Ván hậu với chiều cao K
- Vị trí bắt ray trượt giống hệt nhau
- Đối với ngăn kéo âm cho MERIVOBX, SERVO-DRIVE chỉ có thể được kích hoạt khi kéo ngăn kéo

## Yêu cầu về không gian

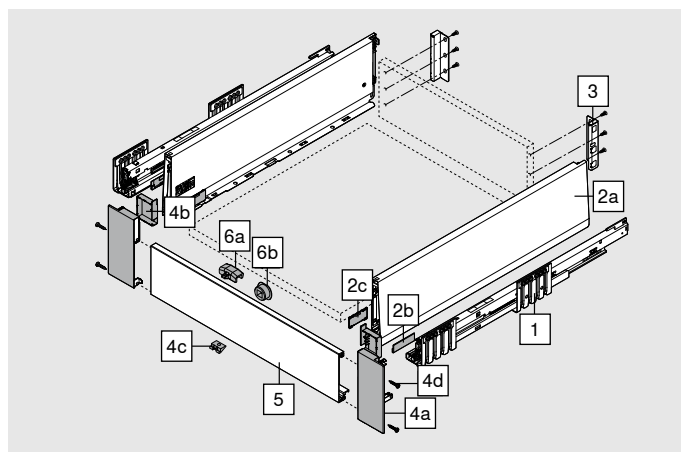


NL Chiều dài ray

## Thông tin đặt hàng

| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |     |           |
|---|-------------------------------|---|-----|-----------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | K | 129 |           |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |     |           |
|   |                               |   |     | SW-M      |
|   | 300                           |   |     | 470K3002S |
|   | 350                           |   |     | 470K3502S |
|   | 400                           |   |     | 470K4002S |
|   | 450                           |   |     | 470K4502S |
|   | 500                           |   |     | 470K5002S |
|   | 550                           |   |     | 470K5502S |
|   | 600                           |   |     | 470K6002S |

### Bao gồm:

| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                        |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------|
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được in logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                         |

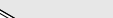
| 3 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |      |          |
|---|-------------------------------------|-----------|------|----------|
|   | Chiều cao                           | Chất liệu | SW-M | IG-M     |
|   | K                                   | Thép      |      | ZB4K000S |

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                   |                     |          |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|------|------|
|  | 4 Bộ khớp nối trước |          |      |      |
|                                                                                   | Chất liệu           | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | Thép                | ZI4.1KS1 |      |      |
|                                                                                   |                     |          |      |      |

## Bao gồm:

|           |     |                          |
|-----------|-----|--------------------------|
| <b>4a</b> | 1 x | Khớp nối trước trái/phải |
| <b>4b</b> | 1 x | Nắp dây trong trái/ phải |
| <b>4c</b> | 1 x | Khóa                     |
| <b>4d</b> | 4 x | Ốc vít                   |

|                                                                                   |                                                |           |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|------|------|
| 5                                                                                 | Mặt trước không có đường rãnh                  |           |      |      |
|  | Chất liệu                                      | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | Nhôm                                           | ZV4.1042M |      |      |
|                                                                                   | Thích hợp cho chiều rộng từ KB lên đến 1200 mm |           |      |      |

## Cắt theo kích thước

|             |                                          |
|-------------|------------------------------------------|
| <b>Cắt:</b> | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 126 mm |
|-------------|------------------------------------------|

## Phụ kiện bổ sung

|                                                                                     |                               |          |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|------|------|
| 6                                                                                   | Bộ chốt kích hoạt (tùy chọn)* |          |      |      |
|  | Chất liệu                     | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | Nhựa                          | Z17.0M07 |      |      |

Chốt kích hoạt phải được gắn trên mặt trước

\* Không thể sử dụng kết hợp với TIP-ON BLUMOTION

## Bao gồm:

|           |     |                                                    |
|-----------|-----|----------------------------------------------------|
| <b>6a</b> | 1 x | Bộ phận kích hoạt                                  |
| <b>6b</b> | 1 x | Ngàm giữ bộ phận kích hoạt (RAL 7037, màu xám đục) |

## Vít dùng cho ván công nghiệp

|                                                                                     |               |                       |                                  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|----------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |          |
|                                                                                     | 3.5           | 15                    | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5           | 17                    | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

## Bắt vít (vít đầu dẹt)

|                                                                                     |               |                       |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                     | 3.5           | 15                    | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
|                                                                                     |               |                       |                                                                                                   |          |

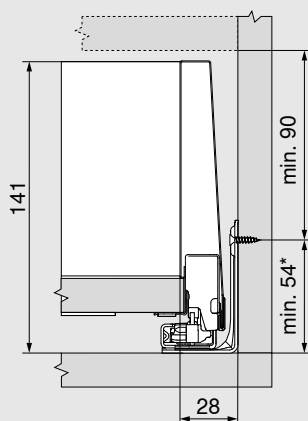
Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo

## Vít hệ thống

|                                                                                     |               |                       |                                  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------|-------------|
|  | <b>Ø (mm)</b> | <b>Chiều dài (mm)</b> |                                  |             |
|                                                                                     | 6             | 14.5                  | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |
|                                                                                     |               |                       |                                  |             |

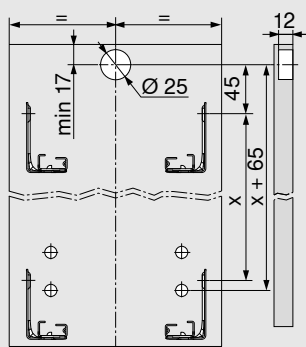
## Thông số kỹ thuật

### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ

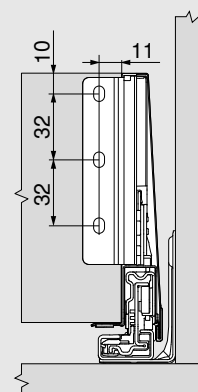


\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

### Khoảng cách khoan mặt trước cho ngăn giữ bộ phận kích hoạt

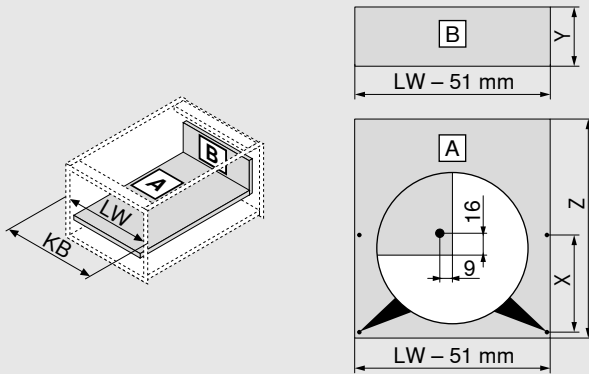


### Kích thước lắp đặt mặt sau



## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 121     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

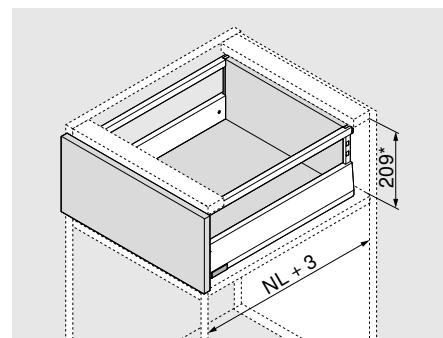
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE

## Yêu cầu về không gian



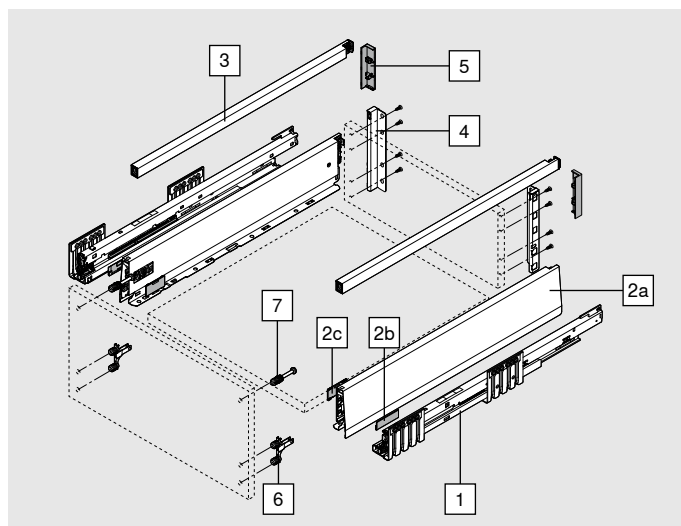
NL Chiều dài ray

\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

## Thông tin đặt hàng

| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



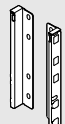
| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |    |      |
|---|-------------------------------|---|----|------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | M | 91 |      |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |    |      |
|   | 270                           |   |    | SW-M |
|   | 300                           |   |    | IG-M |
|   | 350                           |   |    | OG-M |
|   | 400                           |   |    |      |
|   | 450                           |   |    |      |
|   | 500                           |   |    |      |
|   | 550                           |   |    |      |
|   | 600                           |   |    |      |

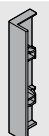
### Bao gồm:

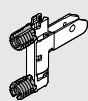
|    |     |                                                                   |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                           |

## Thông tin đặt hàng

| 3                                                                                 | Thanh nâng cấp trái/phải |           |             |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|-------------|------|------|
|  | Chiều dài ray<br>NL (mm) | Chất liệu |             |      |      |
|                                                                                   |                          | Thép      | SW-M        | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | 270                      |           | ZR4.270RS.E |      |      |
|                                                                                   | 300                      |           | ZR4.300RS.E |      |      |
|                                                                                   | 350                      |           | ZR4.350RS.E |      |      |
|                                                                                   | 400                      |           | ZR4.400RS.E |      |      |
|                                                                                   | 450                      |           | ZR4.450RS.E |      |      |
|                                                                                   | 500                      |           | ZR4.500RS.E |      |      |
|                                                                                   | 550                      |           | ZR4.550RS.E |      |      |
|                                                                                   | 600                      |           | ZR4.600RS.E |      |      |

| 4                                                                                 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |         |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|---------|------|------|
|  | Chiều cao                           | Chất liệu | SW-M    | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | E                                   | Thép      | ZB4E00S |      |      |
|                                                                                   |                                     |           |         |      |      |

| 5                                                                                   | Nắp đẩy lưng tủ (tùy chọn) |           |      |          |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|------|----------|------|
|  | Phiên bản                  | Chất liệu |      |          |      |
|                                                                                     | Cân đối                    | Nhựa      | SW-M | IG-M     | OG-M |
|                                                                                     |                            |           | 2 x  | ZB4E00AK |      |

| 6                                                                                   | Khớp nối trước |  |     |          |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|-----|----------|--|
|  | Cách lắp       |  |     |          |  |
|                                                                                     | EXPANDO T      |  | 2 x | ZF4.10T2 |  |
|                                                                                     | INSERTA        |  | 2 x | ZF4.10I2 |  |
|                                                                                     | Bắt vít*       |  | 2 x | ZF4.1002 |  |

\* Gói hàng không bao gồm ốc vít

EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61

| 7                                                                                   | Đỉnh khớp nối trước                                                                  |  |     |          |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|----------|--|
|  | Cách lắp                                                                             |  |     |          |  |
|                                                                                     | EXPANDO T                                                                            |  | 2 x | ZF4.50T2 |  |
|                                                                                     | INSERTA                                                                              |  | 2 x | ZF4.50I2 |  |
|                                                                                     | Bắt vít – vít dùng cho ván công nghiệp lắp sẵn Ø 3.8 x 11.4 mm                       |  | 2 x | ZF4.5002 |  |
|                                                                                     | Bắt vít – vít chìm với đường kính đầu vít tối đa. 7 mm, đường kính ren tối đa. 4 mm* |  | 2 x | ZF4.5012 |  |

\* Gói hàng không bao gồm ốc vít

EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61

## Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                        |        |                |                                  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |          |
|                                                                                     | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

## Thông tin đặt hàng

### Phụ kiện bổ sung

| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                                                                                                             | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |          |

| Vít hệ thống |        |                |                                  |             |
|--------------|--------|----------------|----------------------------------|-------------|
|              | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |             |
|              | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

| Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm                                         |

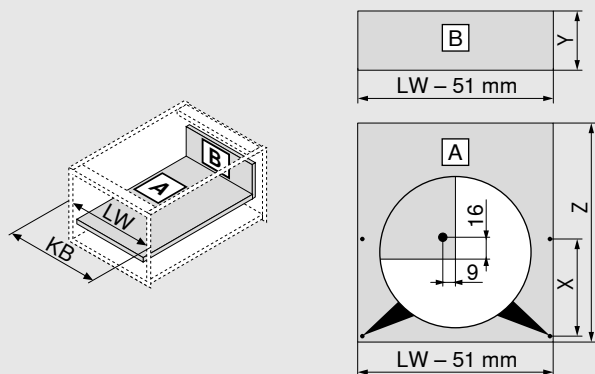
| Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít                    |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| FA Lớp mạ mặt trước                                                           |

| Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T                             |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T                                               |

| Kích thước lắp đặt ván hậu |
|----------------------------|
|                            |

## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

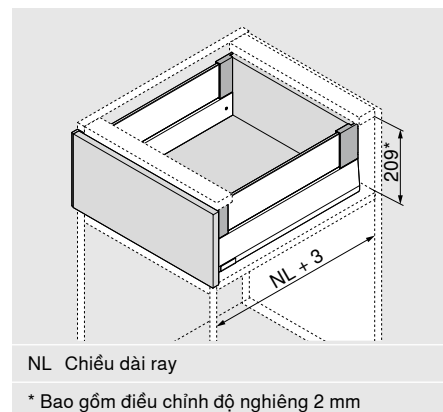
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE

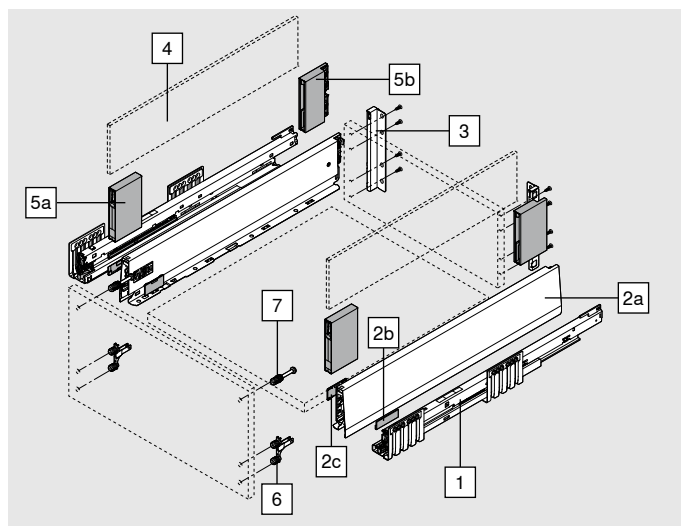
## Yêu cầu về không gian

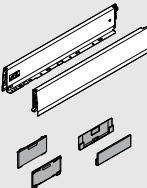


## Thông tin đặt hàng

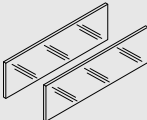
| 1 | Ray trượt trái/phải   | BLUMOTION* |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

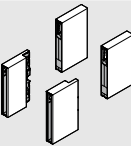
\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



|                                                                                     |                               |                                                                   |           |    |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------|------|------|
| 2                                                                                   |                               | Bộ thành ngăn kéo                                                 |           |    |           |      |      |
|  | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) |                                                                   | M         | 91 |           |      |      |
|                                                                                     | Chiều dài ray NL (mm)         |                                                                   |           |    | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 270                           |                                                                   |           |    | 470M2702S |      |      |
|                                                                                     | 300                           |                                                                   |           |    | 470M3002S |      |      |
|                                                                                     | 350                           |                                                                   |           |    | 470M3502S |      |      |
|                                                                                     | 400                           |                                                                   |           |    | 470M4002S |      |      |
|                                                                                     | 450                           |                                                                   |           |    | 470M4502S |      |      |
|                                                                                     | 500                           |                                                                   |           |    | 470M5002S |      |      |
|                                                                                     | 550                           |                                                                   |           |    | 470M5502S |      |      |
|                                                                                     | 600                           |                                                                   |           |    | 470M6002S |      |      |
| Bao gồm:                                                                            |                               |                                                                   |           |    |           |      |      |
| 2a                                                                                  | 1 x                           | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |           |    |           |      |      |
| 2b                                                                                  | 2 x                           | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |           |    |           |      |      |
| 2c                                                                                  | 2 x                           | Nắp đáy                                                           |           |    |           |      |      |
| 3                                                                                   |                               | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải                               |           |    |           |      |      |
|  | Chiều cao                     |                                                                   | Chất liệu |    | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | E                             |                                                                   | Thép      |    | ZB4E000S  |      |      |

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                                                                                                                                                                                              |                                    |                          |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|------------|
| 4                                                                                                                                                                                                                                                            | Thành thiết kế bằng kính (mặt bên) |                          |            |
|                                                                                                                                                                             | Chiều dài ray NL (mm)              |                          | Trong suốt |
|                                                                                                                                                                                                                                                              | 450                                |                          | ZE4M360G   |
|                                                                                                                                                                                                                                                              | 500                                |                          | ZE4M410G   |
|                                                                                                                                                                                                                                                              | 550                                |                          | ZE4M460G   |
|                                                                                                                                                                                                                                                              | 600                                |                          | ZE4M510G   |
| Bao gồm:                                                                                                                                                                                                                                                     |                                    |                          |            |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                            | 2 x                                | Thành thiết kế bằng kính |            |
| Chú ý                                                                                                                                                                                                                                                        |                                    |                          |            |
| Với chiều dài ray NL khác, hãy cắt thành thiết kế dài nhất tiếp theo để có kích thước phù hợp                                                                                                                                                                |                                    |                          |            |
| Để biết thêm về kích thước cắt theo kích thước, vui lòng xem trang 35                                                                                                                                                                                        |                                    |                          |            |
| <div> Để đảm bảo kết nối an toàn giữa mặt trước và BOXCOVER, các mặt của kính phải được làm sạch trước khi lắp đặt (bắt buộc đối với chiều cao mặt trước hơn 455 mm).</div> |                                    |                          |            |

|                                                                                                                                                                                         |                                                                                    |                                         |           |  |           |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|--|-----------|------|------|
| 5                                                                                                                                                                                       |                                                                                    | BOXCOVER trái/phải                      |           |  |           |      |      |
|                                                                                                       | Chiều cao                                                                          |                                         | Chất liệu |  | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                                                                                                                         | M                                                                                  |                                         | Thép      |  | ZL4M00808 |      |      |
|                                                                                                                                                                                         | Thành thiết kế 8 mm                                                                |                                         |           |  |           |      |      |
|                                                                                                                                                                                         | Đối với chiều cao mặt trước hơn 455 mm, vít kẹp phải được siết chặt - 1.5 đến 2 Nm |                                         |           |  |           |      |      |
| Bao gồm:                                                                                                                                                                                |                                                                                    |                                         |           |  |           |      |      |
| 5a                                                                                                                                                                                      | 1 x                                                                                | BOXCOVER khớp nối kính trước trái/ phải |           |  |           |      |      |
| 5b                                                                                                                                                                                      | 1 x                                                                                | BOXCOVER khớp nối kính sau trái/ phải   |           |  |           |      |      |
| Bao gồm kẹp chữ C để gắn thành thiết kế bằng thủy tinh                                                                                                                                  |                                                                                    |                                         |           |  |           |      |      |
| <div> Khi sử dụng khớp nối trước INSERTA, đảm bảo rằng khớp nối trước được gấp lên hoặc xuống.</div> |                                                                                    |                                         |           |  |           |      |      |

|                                                                                     |                |     |          |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----|----------|--|
| 6                                                                                   | Khớp nối trước |     |          |  |
|  | Cách lắp       |     |          |  |
|                                                                                     | EXPANDO T      | 2 x | ZF4.10T2 |  |
|                                                                                     | INSERTA        | 2 x | ZF4.10I2 |  |
|                                                                                     | Bắt vít*       | 2 x | ZF4.1002 |  |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                     |                |     |          |  |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                           |                |     |          |  |

|                                                                                     |                                                                                      |     |          |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--|
| 7                                                                                   | Đỉnh khớp nối trước                                                                  |     |          |  |
|  | Cách lắp                                                                             |     |          |  |
|                                                                                     | EXPANDO T                                                                            | 2 x | ZF4.50T2 |  |
|                                                                                     | INSERTA                                                                              | 2 x | ZF4.50I2 |  |
|                                                                                     | Bắt vít – vít dùng cho ván công nghiệp lắp sẵn Ø 3.8 x 11.4 mm                       | 2 x | ZF4.5002 |  |
|                                                                                     | Bắt vít – vít chìm với đường kính đầu vít tối đa. 7 mm, đường kính ren tối đa. 4 mm* | 2 x | ZF4.5012 |  |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                     |                                                                                      |     |          |  |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                           |                                                                                      |     |          |  |

## Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                        |        |                |                                  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |          |
|                                                                                     | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

## Thông tin đặt hàng

### Phụ kiện bổ sung

| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                             | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo |
|                                                                                                             |        |                | 61R.1500                                                                                          |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |

| Vít hệ thống |        |                |                                  |
|--------------|--------|----------------|----------------------------------|
|              | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |
|              | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ |
|              |        |                | 661.1450.HG                      |

## Thông số kỹ thuật

| Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm                                         |

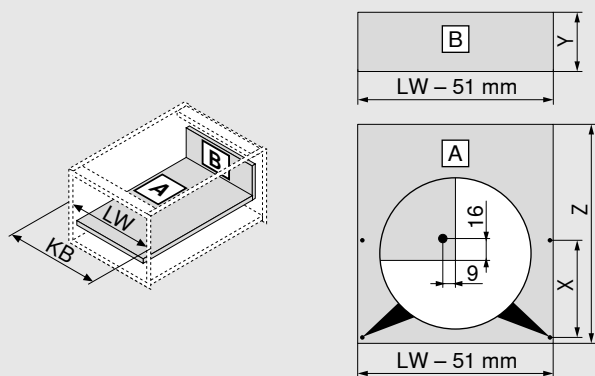
| Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T                             |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T                                               |

| Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít                    |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| FA Lớp mạ mặt trước                                                           |

| Kích thước lắp đặt ván hậu |
|----------------------------|
|                            |

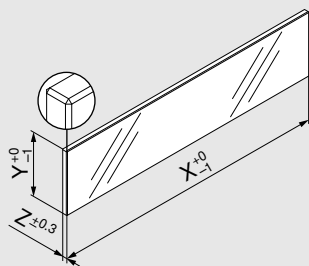
## Thông số kỹ thuật

### Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

### Cắt – thành thiết kế



| Thành thiết kế   | X (mm)  | Y (mm) | Z (mm) |
|------------------|---------|--------|--------|
| Mặt bên          | NL - 90 | 95     | 8      |
| NL Chiều dài ray |         |        |        |

Không yêu cầu "thử nghiệm tác động cho các bộ phận bằng kính gắn dọc" theo tiêu chuẩn DIN EN 14749 (tháng 6 năm 2016) do kích thước của thành thiết kế kết hợp với MERIVOBX. Không cần phải sử dụng kính an toàn để tuân thủ tiêu chuẩn. Mép kính có mặt nghiêng được mài nhẵn và đánh bóng với kích thước cạnh xiên 1 mm ± 0.5 mm.

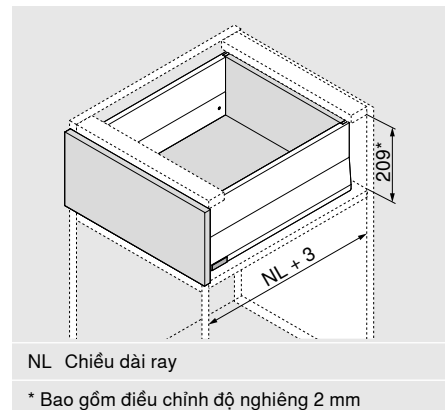
## Sản phẩm



## Mô tả

- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE

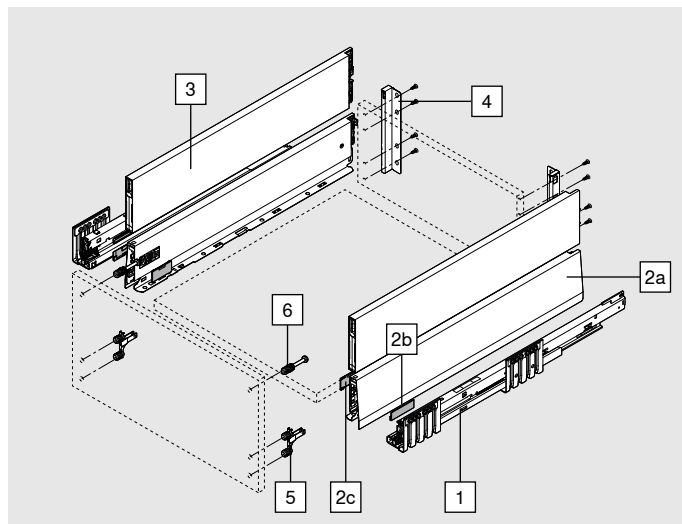
## Yêu cầu về không gian

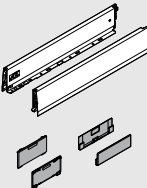


## Thông tin đặt hàng

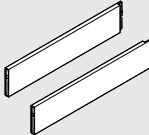
| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



|                                                                                     |                               |                                                                   |   |           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---|-----------|-----------|
| 2                                                                                   | Bộ thành ngăn kéo             |                                                                   |   |           |           |
|  | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) |                                                                   | M | 91        |           |
|                                                                                     | Chiều dài ray NL (mm)         |                                                                   |   |           | SW-M      |
|                                                                                     |                               |                                                                   |   |           | IG-M      |
|                                                                                     |                               |                                                                   |   |           | OG-M      |
|                                                                                     | 270                           |                                                                   |   |           | 470M2702S |
|                                                                                     | 300                           |                                                                   |   |           | 470M3002S |
|                                                                                     | 350                           |                                                                   |   |           | 470M3502S |
|                                                                                     | 400                           |                                                                   |   |           | 470M4002S |
|                                                                                     | 450                           |                                                                   |   |           | 470M4502S |
|                                                                                     | 500                           |                                                                   |   |           | 470M5002S |
| 550                                                                                 |                               |                                                                   |   | 470M5502S |           |
| 600                                                                                 |                               |                                                                   |   | 470M6002S |           |
| Bao gồm:                                                                            |                               |                                                                   |   |           |           |
| 2a                                                                                  | 1 x                           | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |   |           |           |
| 2b                                                                                  | 2 x                           | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |   |           |           |
| 2c                                                                                  | 2 x                           | Nắp đáy                                                           |   |           |           |

## Thông tin đặt hàng

| 3                                                                                | BOXCAP trái/phải      |      |      |            |      |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|------|------------|------|
|  | Chất liệu             | Thép |      |            |      |
|                                                                                  | Chiều dài ray NL (mm) |      | SW-M | IG-M       | OG-M |
|                                                                                  | 270                   |      |      | ZL4.270S.E |      |
|                                                                                  | 300                   |      |      | ZL4.300S.E |      |
|                                                                                  | 350                   |      |      | ZL4.350S.E |      |
|                                                                                  | 400                   |      |      | ZL4.400S.E |      |
|                                                                                  | 450                   |      |      | ZL4.450S.E |      |
|                                                                                  | 500                   |      |      | ZL4.500S.E |      |
|                                                                                  | 550                   |      |      | ZL4.550S.E |      |
|                                                                                  | 600                   |      |      | ZL4.600S.E |      |

| 4                                                                                 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |      |          |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|------|----------|------|
|  | Chiều cao                           | Chất liệu | SW-M | IG-M     | OG-M |
|                                                                                   | E                                   | Thép      |      | ZB4E000S |      |
|                                                                                   |                                     |           |      |          |      |

| 5                                                                                   | Khớp nối trước |  |  |     |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|-----|----------|
|  | Cách lắp       |  |  |     |          |
|                                                                                     | EXPANDO T      |  |  | 2 x | ZF4.10T2 |
|                                                                                     | INSERTA        |  |  | 2 x | ZF4.10I2 |
|                                                                                     | Bắt vít*       |  |  | 2 x | ZF4.1002 |

\* Gói hàng không bao gồm ốc vít

EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61

| 6                                                                                   | Đỉnh khớp nối trước                                                                  |  |  |     |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----|----------|
|  | Cách lắp                                                                             |  |  |     |          |
|                                                                                     | EXPANDO T                                                                            |  |  | 2 x | ZF4.50T2 |
|                                                                                     | INSERTA                                                                              |  |  | 2 x | ZF4.50I2 |
|                                                                                     | Bắt vít – vít dùng cho ván công nghiệp lắp sẵn Ø 3.8 x 11.4 mm                       |  |  | 2 x | ZF4.5002 |
|                                                                                     | Bắt vít – vít chìm với đường kính đầu vít tối đa. 7 mm, đường kính ren tối đa. 4 mm* |  |  | 2 x | ZF4.5012 |

\* Gói hàng không bao gồm ốc vít

EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61

## Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                        |        |                |                                  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |          |
|                                                                                     | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) | 609.1700 |

## Thông tin đặt hàng

### Phụ kiện bổ sung

| Bất vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|                                                                                                             | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |          |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500 |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |          |

| Vít hệ thống |        |                |                                  |             |
|--------------|--------|----------------|----------------------------------|-------------|
|              | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |             |
|              | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

| Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm                                         |

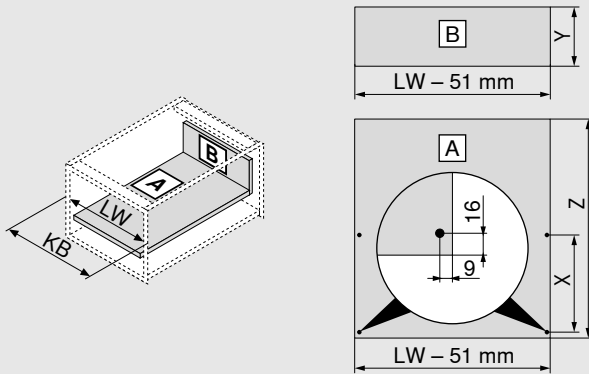
| Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T                             |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| ** Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T                                               |

| Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít                    |
|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                               |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ |
| FA Lớp mạ mặt trước                                                           |

| Kích thước lắp đặt ván hậu |
|----------------------------|
|                            |

## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

## Mặt trước có thanh nâng cấp

### Sản phẩm

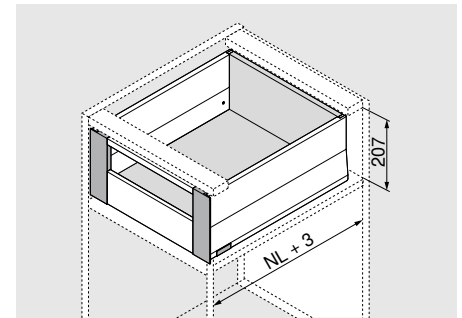


Ví dụ về ngăn kéo âm sử dụng BOXCAP

### Mô tả

- Ngăn kéo âm với thanh nâng cấp để trực tiếp lấy vật dụng bên trong
- Mặt trước, thành ngăn kéo và thanh nâng cấp được phối màu đồng bộ
- Đối với ngăn kéo âm cho MERIVOBX, SERVO-DRIVE chỉ có thể được kích hoạt khi kéo ngăn kéo

### Yêu cầu về không gian



NL Chiều dài ray

## Thông tin đặt hàng

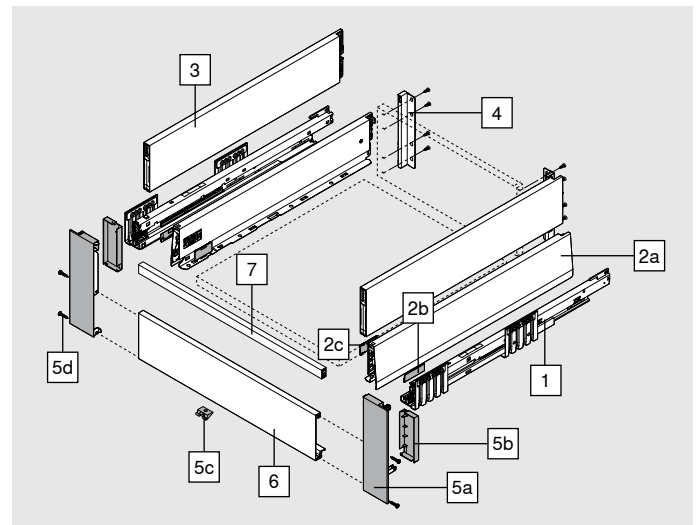
### Để xuất ứng dụng

Tất cả các tùy chọn ngăn kéo âm có thể được kết hợp với bất kỳ tùy chọn ngăn kéo cao nào có chiều cao E.  
Vui lòng xem trang liên quan để biết các thành phần cần đặt hàng. Tất cả các thành phần ngoài khớp nối trước là cần thiết.

|                                             |    |
|---------------------------------------------|----|
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với thanh nâng cấp | 28 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCOVER       | 32 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCAP         | 36 |

| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



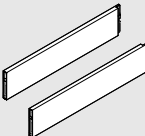
| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |    |      |
|---|-------------------------------|---|----|------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | M | 91 |      |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |    |      |
|   | 270                           |   |    | SW-M |
|   | 300                           |   |    | IG-M |
|   | 350                           |   |    | OG-M |
|   | 400                           |   |    |      |
|   | 450                           |   |    |      |
|   | 500                           |   |    |      |
|   | 550                           |   |    |      |
|   | 600                           |   |    |      |

### Bao gồm:

|    |     |                                                                   |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                           |

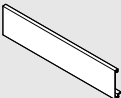
## Mặt trước có thanh nâng cấp

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                   |                       |            |            |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------|------------|------|------|
|  | 3BOXCAP trái/phải     |            |            |      |      |
|                                                                                   | Chất liệu             |            | Thép       |      |      |
|                                                                                   | Chiều dài ray NL (mm) |            | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | 270                   |            | ZL4.270S.E |      |      |
|                                                                                   | 300                   |            | ZL4.300S.E |      |      |
|                                                                                   | 350                   |            | ZL4.350S.E |      |      |
|                                                                                   | 400                   |            | ZL4.400S.E |      |      |
|                                                                                   | 450                   |            | ZL4.450S.E |      |      |
|                                                                                   | 500                   |            | ZL4.500S.E |      |      |
|                                                                                   | 550                   |            | ZL4.550S.E |      |      |
| 600                                                                               |                       | ZL4.600S.E |            |      |      |

|                                                                                   |                                      |           |          |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|----------|------|------|
|  | 4Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |          |      |      |
|                                                                                   | Chiều cao                            | Chất liệu | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | E                                    | Thép      | ZB4E000S |      |      |

|                                                                                    |                    |                          |      |      |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------|------|------|--|
|  | 5Bộ khớp nối trước |                          |      |      |  |
|                                                                                    | Chất liệu          | SW-M                     | IG-M | OG-M |  |
|                                                                                    | Thép               | ZI4.2ES1                 |      |      |  |
| Bao gồm:                                                                           |                    |                          |      |      |  |
| 5a                                                                                 | 1 x                | Khớp nối trước trái/phải |      |      |  |
| 5b                                                                                 | 1 x                | Nắp phủ trong trái/phải  |      |      |  |
| 5c                                                                                 | 1 x                | Khóa                     |      |      |  |
| 5d                                                                                 | 4 x                | Ốc vít                   |      |      |  |

|                                                                                     |                                |                                          |      |      |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------|------|------|--|
|  | 6Mặt trước không có đường rãnh |                                          |      |      |  |
|                                                                                     | Chất liệu                      | SW-M                                     | IG-M | OG-M |  |
|                                                                                     | Nhôm                           | ZV4.1042M                                |      |      |  |
| Thích hợp cho chiều rộng tủ KB lên đến 1200 mm                                      |                                |                                          |      |      |  |
| Cắt theo kích thước                                                                 |                                |                                          |      |      |  |
| Cắt:                                                                                |                                | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 126 mm |      |      |  |

|                                                                                     |                   |                                          |      |      |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------|------|------|--|
|  | 7Thanh chia ngang |                                          |      |      |  |
|                                                                                     | Chất liệu         | SW-M                                     | IG-M | OG-M |  |
|                                                                                     | Nhôm              | ZR4.1059U                                |      |      |  |
| Thích hợp cho chiều rộng tủ KB lên đến 1200 mm                                      |                   |                                          |      |      |  |
| Cắt theo kích thước                                                                 |                   |                                          |      |      |  |
| Cắt:                                                                                |                   | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 111 mm |      |      |  |

## Mặt trước có thanh nâng cấp

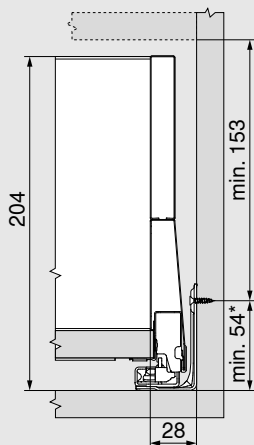
### Thông tin đặt hàng

#### Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 609.1500    |
|                                                                                                             | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít)                                                                  | 609.1700    |
| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |             |
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500    |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |             |
| Vít hệ thống                                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 661.1450.HG |

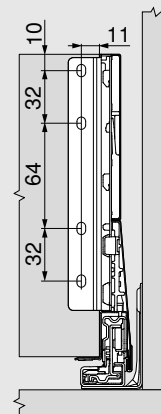
### Thông số kỹ thuật

#### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

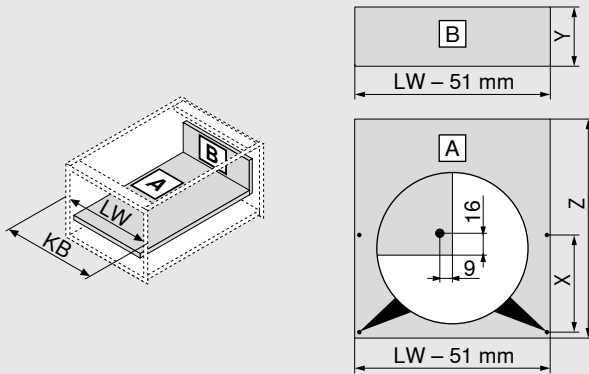
#### Kích thước lắp đặt mặt sau



## Mặt trước có thanh nâng cấp

### Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

## Mặt trước có thành thiết kế

### Sản phẩm

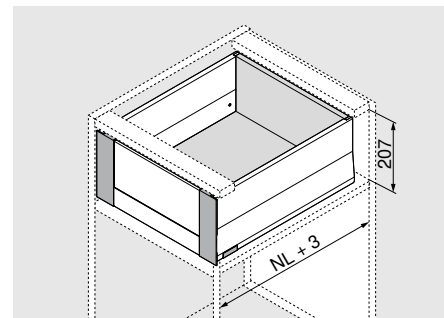


Ví dụ về ngăn kéo âm sử dụng BOXCAP

### Mô tả

- Ngăn kéo âm có mặt trước thành thiết kế loại cao và thấp
- Mặt trước và các thành ngăn kéo được phối màu đồng bộ
- Đối với ngăn kéo âm cho MERIVOBX, SERVO-DRIVE chỉ có thể được kích hoạt khi kéo ngăn kéo

### Yêu cầu về không gian



NL Chiều dài ray

## Thông tin đặt hàng

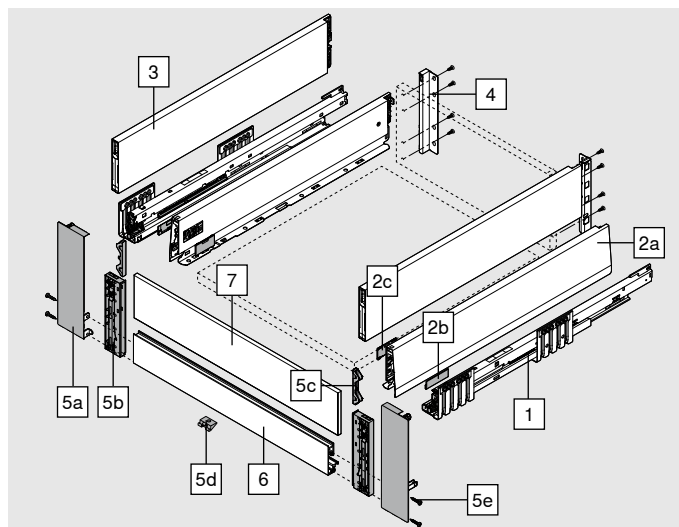
### Để xuất ứng dụng

Tất cả các tùy chọn ngăn kéo âm có thể được kết hợp với bất kỳ tùy chọn ngăn kéo cao nào có chiều cao E. Vui lòng xem trang liên quan để biết các thành phần cần đặt hàng. Tất cả các thành phần ngoài khớp nối trước là cần thiết.

|                                             |    |
|---------------------------------------------|----|
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với thanh nâng cấp | 28 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCOVER       | 32 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCAP         | 36 |

| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 270                   | 450.2701B  |           |
|   | 300                   | 450.3001B  |           |
|   | 350                   | 450.3501B  |           |
|   | 400                   | 450.4001B  |           |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|   | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|   | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION



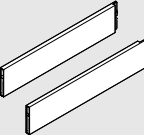
| 2 | Bộ thành ngăn kéo             |   |    |      |
|---|-------------------------------|---|----|------|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | M | 91 |      |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |   |    |      |
|   | 270                           |   |    | SW-M |
|   | 300                           |   |    | IG-M |
|   | 350                           |   |    | OG-M |
|   | 400                           |   |    |      |
|   | 450                           |   |    |      |
|   | 500                           |   |    |      |
|   | 550                           |   |    |      |
|   | 600                           |   |    |      |

### Bao gồm:

|    |     |                                                                   |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đậy                                                           |

## Mặt trước có điểm nhấn thiết kế

## Thông tin đặt hàng

| 3                                                                                 | BOXCAP trái/phải      |      |  |            |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|--|------------|-----------|
|  | Chất liệu             | Thép |  |            |           |
|                                                                                   | Chiều dài ray NL (mm) |      |  | SW-M       | IG-M OG-M |
|                                                                                   | 270                   |      |  | ZL4.270S.E |           |
|                                                                                   | 300                   |      |  | ZL4.300S.E |           |
|                                                                                   | 350                   |      |  | ZL4.350S.E |           |
|                                                                                   | 400                   |      |  | ZL4.400S.E |           |
|                                                                                   | 450                   |      |  | ZL4.450S.E |           |
|                                                                                   | 500                   |      |  | ZL4.500S.E |           |
|                                                                                   | 550                   |      |  | ZL4.550S.E |           |
|                                                                                   | 600                   |      |  | ZL4.600S.E |           |

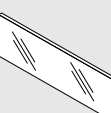
| 4                                                                                 | Khớp nối sau dành cho ván trái/phải |           |          |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|----------|------|------|
|  | Chiều cao                           | Chất liệu | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | E                                   | Thép      | ZB4E000S |      |      |
|                                                                                   |                                     |           |          |      |      |

|                                                                                     |                   |                                                                 |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|------|------|
|  | Bộ khớp nối trước |                                                                 |      |      |
|                                                                                     | Chất liệu         | SW-M                                                            | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | Thép              | ZI4.4ES1                                                        |      |      |
| Bao gồm:                                                                            |                   |                                                                 |      |      |
| 5a                                                                                  | 1 x               | Khớp nối trước trái/phải                                        |      |      |
| 5b                                                                                  | 1 x               | Phụ kiện bằng kính trái/phải                                    |      |      |
| 5c                                                                                  | 2 x               | Thiết bị điều chỉnh cho mặt trước có thành thiết kế cao và thấp |      |      |
| 5d                                                                                  | 1 x               | Khóa                                                            |      |      |
| 5e                                                                                  | 4 x               | Ốc vít                                                          |      |      |

|                                                                                     |                                                |            |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|------|------|
| 6                                                                                   | Mặt trước có đường rãnh                        |            |      |      |
|  | Chất liệu                                      | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | Nhôm                                           | ZV4.1042NN |      |      |
|                                                                                     | Thích hợp cho chiều rộng tủ KB lên đến 1200 mm |            |      |      |

## Cắt theo kích thước

Cắt: Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 126 mm

| 7                                                                                   | Thành thiết kế bằng kính (dành cho mặt trước của ngăn kéo âm) |  |         |  |                           |  |                    |  |           |  |           |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--|---------|--|---------------------------|--|--------------------|--|-----------|--|-----------|--|
|  | Chất liệu                                                     |  | Màu sắc |  | Thành thiết kế thấp       |  | Thành thiết kế cao |  |           |  |           |  |
|                                                                                     | Kính                                                          |  | Rõ ràng |  |                           |  |                    |  |           |  |           |  |
|                                                                                     |                                                               |  |         |  | Độ dày khung cạnh tủ (mm) |  |                    |  |           |  |           |  |
|                                                                                     | Chiều rộng tủ (mm)                                            |  |         |  | 15/16                     |  | 18/19              |  | 15/16     |  | 18/19     |  |
|                                                                                     | 600                                                           |  |         |  | ZE4L464G                  |  | ZE4L458G           |  | ZE4H464G  |  | ZE4H458G  |  |
|                                                                                     | 1200                                                          |  |         |  | ZE4L1064G                 |  | ZE4L1058G          |  | ZE4H1064G |  | ZE4H1058G |  |

## Bao gồm:

7 1 x Thành thiết kế bằng kính

Với chiều rộng tủ KB khác, hãy cắt thành thiết kế dài nhất tiếp theo để có kích thước phù hợp

Để biết thêm về kích thước cắt theo kích thước, vui lòng xem trang 47

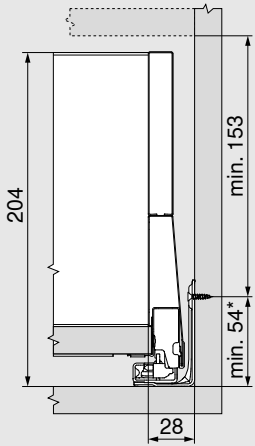
## Mặt trước có điểm nhấn thiết kế

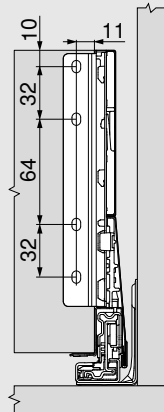
### Thông tin đặt hàng

#### Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 609.1500    |
|                                                                                                             | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít)                                                                  | 609.1700    |
| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |             |
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500    |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |             |
| Vít hệ thống                                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 661.1450.HG |

### Thông số kỹ thuật

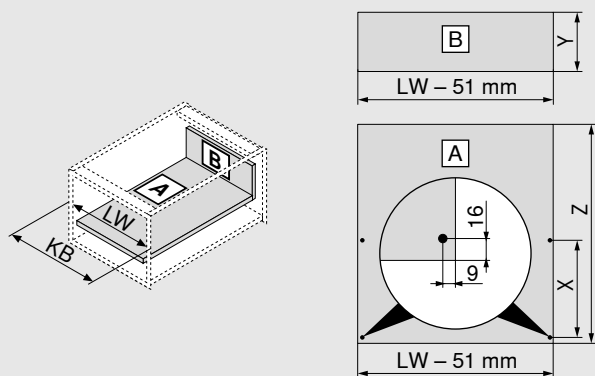
| Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ                                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------|
|   |
| <p>* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ</p> |

| Kích thước lắp đặt mặt sau                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |

## Mặt trước có điểm nhấn thiết kế

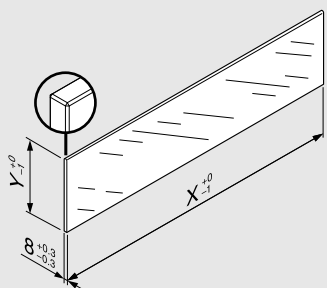
## Thông số kỹ thuật

## Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo              |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | 270     | 128     |
|                                          | 300     | 128     |
|                                          | > 350   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

## Cắt – thành thiết kế



| Điểm nhấn thiết kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | X (mm)   | Y (mm) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------|
| Thấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | LW - 104 | 75     |
| Cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | LW - 104 | 142.5  |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |        |
| Không yêu cầu "thử nghiệm tác động cho các bộ phận bằng kính gắn dọc" theo tiêu chuẩn DIN EN 14749 (tháng 6 năm 2016) do kích thước của thành thiết kế kết hợp với MERIVOBX. Không cần phải sử dụng kính an toàn để tuân thủ tiêu chuẩn. Mép kính có mặt nghiêng được mài nhẵn và đánh bóng với kích thước cạnh xiên $1\text{ mm} \pm 0.5\text{ mm}$ . |          |        |

## Sản phẩm

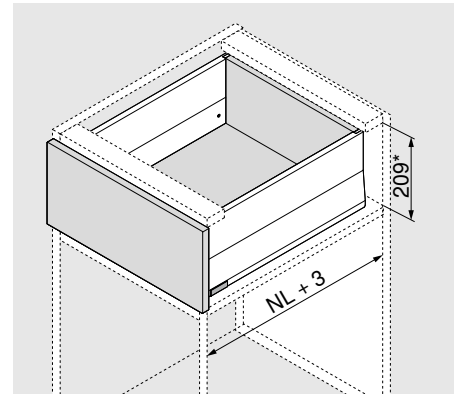


Ví dụ về ngăn kéo âm sử dụng BOXCAP

## Mô tả

- Ray trượt với bộ móc trước cho ứng dụng ngăn kéo chứa thùng rác
- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION.
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE
- Có thể kết hợp với tất cả các tùy chọn ngăn kéo cao có chiều cao E

## Yêu cầu về không gian



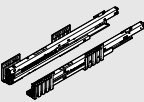
\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

## Thông tin đặt hàng

### Đề xuất ứng dụng

Lớp ngoài cùng của ray trượt mở lên trên cho các ứng dụng thùng rác có thể kết hợp với bất kỳ tùy chọn ngăn kéo cao nào có chiều cao E. Vui lòng xem trang liên quan để biết các thành phần cần đặt hàng. Tất cả các thành phần ngoài lớp ngoài cùng của ray trượt là cần thiết.

|                                             |    |
|---------------------------------------------|----|
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với thanh nâng cấp | 28 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCOVER       | 32 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCAP         | 36 |

| 1                                                                                   | Ray trượt trái/phải   |                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------|
|  | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION*<br>70 kg |
|                                                                                     | 450 <sup>1</sup>      | 453.4501BZ          |
|                                                                                     | 500 <sup>2</sup>      | 453.5001BZ          |
|                                                                                     | 550 <sup>3</sup>      | 453.5501BZ          |

<sup>1</sup> Có thể kết hợp với thành ngăn kéo có NL 400 mm.

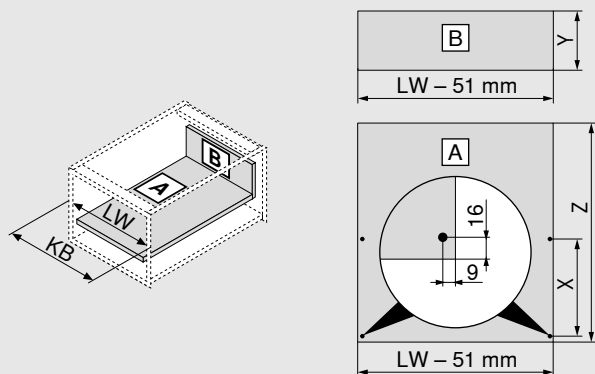
<sup>2</sup> Có thể kết hợp với thành ngăn kéo có NL 450 mm.

<sup>3</sup> Có thể kết hợp với thành ngăn kéo có NL 500 mm.

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION

## Thông số kỹ thuật

Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | Y (mm)  |
|------------------------------------------|---------|---------|
| Chiều cao                                |         | 184     |
| Chiều dài đế                             |         | Z (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                   |         | NL - 26 |
| Vị trí lỗ khoan để gắn kéo               |         |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt | NL (mm) | X (mm)  |
|                                          | > 450   | 256     |
| KB Chiều rộng tủ                         |         |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ          |         |         |
| NL Chiều dài ray trượt                   |         |         |

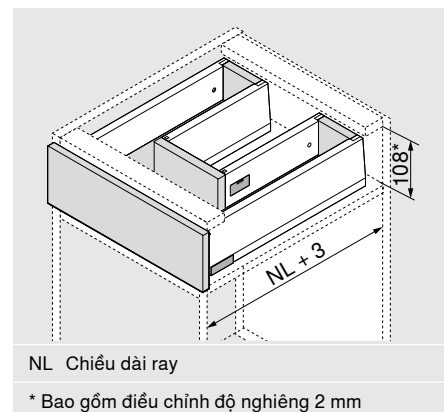
## Sản phẩm



## Mô tả

- Với không gian ở giữa để tối ưu hóa việc sử dụng không gian lưu trữ
- Có thể được thực hiện với các chi tiết cơ bản
- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE

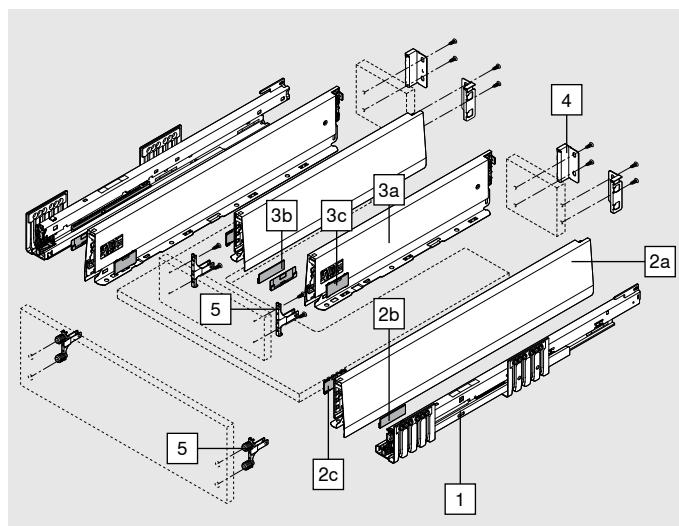
## Yêu cầu về không gian



## Thông tin đặt hàng

| 1 | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|---|-----------------------|------------|-----------|
|   | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|   |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|   | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|   | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |

\* Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION

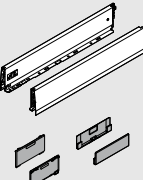


| 2 | Bộ thành ngăn kéo ngoài       |      |    |  |
|---|-------------------------------|------|----|--|
|   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) | M    | 91 |  |
|   | Chiều dài ray NL (mm)         |      |    |  |
|   | 450                           | SW-M |    |  |
|   | 500                           | IG-M |    |  |

### Bao gồm:

| 2a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 2b | 2 x | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 2c | 2 x | Nắp đáy                                                           |

## Thông tin đặt hàng

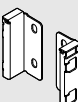
|                                                                                   |                               |  |   |           |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--|---|-----------|------|------|
|  | Bộ thành ngăn kéo âm          |  |   |           |      |      |
|                                                                                   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) |  | M | 91        |      |      |
|                                                                                   | Chiều dài ray NL (mm)         |  |   | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | 300                           |  |   | 470M3002S |      |      |
|                                                                                   | 350                           |  |   | 470M3502S |      |      |
|                                                                                   | 400                           |  |   | 470M4002S |      |      |
|                                                                                   | 450                           |  |   | 470M4502S |      |      |

## Bao gồm:

|    |     |                                                                   |
|----|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 3a | 1 x | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |
| 3b | 2 x | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |
| 3c | 2 x | Nắp đáy                                                           |

Để sử dụng hiệu quả không gian lưu trữ, chúng tôi khuyến nghị:

Chiều dài ray NL thành tủ ngoài - chiều dài ray NL thành tủ trong = tối thiểu 150 mm

| 4 Khớp nối sau dành cho ván trái/phải                                             |           |      |           |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|-----------|------|------|
|  | Chiều cao |      | Chất liệu |      |      |
|                                                                                   | M         | Thép | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | 2 x       |      | ZB4M000S  |      |      |
|                                                                                   |           |      |           |      |      |

| 5                                                                                   | Khớp nối trước |  |  |     |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--|--|-----|----------|
|  | Cách lắp       |  |  |     |          |
|                                                                                     | EXPANDO T      |  |  | 4 x | ZF4.10T2 |
|                                                                                     | INSERTA*       |  |  | 2 x | ZF4.10I2 |
|                                                                                     | Bắt vít**      |  |  | 4 x | ZF4.1002 |



\* Không thể sử dụng khớp nối giữa với INSERTA!

\*\* Gói hàng không bao gồm ốc vít

EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61

## Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                        |        |                |                                  |  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|--|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |  |          |
|                                                                                     | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ |  | 609.1500 |
|                                                                                     | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít) |  | 609.1700 |

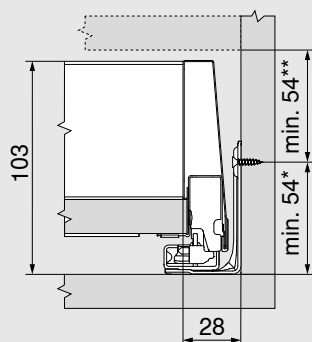
| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                               |        |                |                                                                                                   |  |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |  |          |
|                                                                                     | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo |  | 61R.1500 |

Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo

| Vít hệ thống                                                                        |        |                |                                  |  |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|----------------------------------|--|-------------|
|  | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                  |  |             |
|                                                                                     | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ |  | 661.1450.HG |

## Thông số kỹ thuật

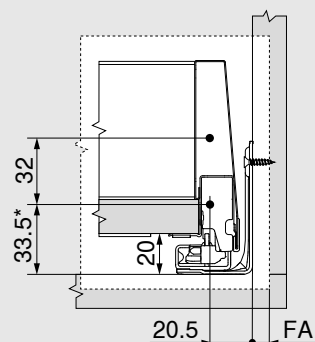
### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

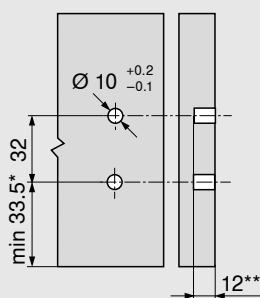
### Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

FA Lớp mạ mặt trước

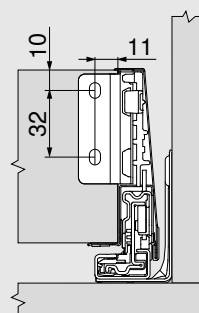
### Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T



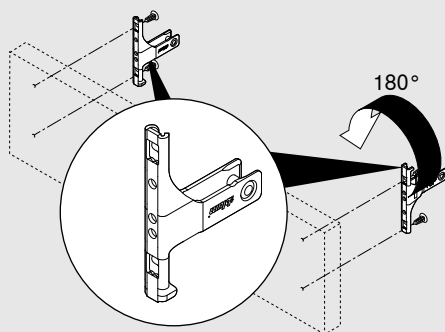
\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T

### Kích thước lắp đặt ván hậu

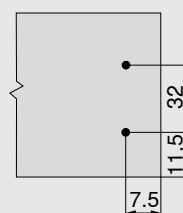


### Hướng xoay của khớp nối trước cho khớp nối giữa



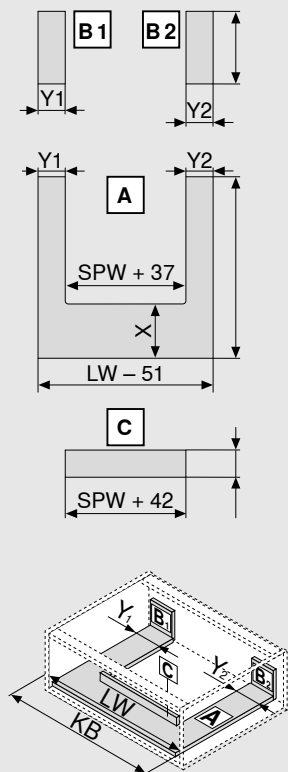
Không thể sử dụng với INSERTA!

### Khoảng cách khoan khớp nối giữa



## Thông số kỹ thuật

### Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



| Ván hậu gỗ công nghiệp                                       |                              | B (mm)  |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
| Chiều cao                                                    |                              | 83      |
| Chiều dài đế                                                 |                              | A (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                                       |                              | NL - 26 |
| Y tối thiểu                                                  | 40 mm                        |         |
| Y tối thiểu                                                  | 99 mm với TIP-ON BLUMOTION   |         |
| Y tối đa                                                     | 225 mm                       |         |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo                                  |                              |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt                     | NL (mm)                      | X (mm)  |
|                                                              | > 450                        | 256     |
|                                                              |                              |         |
| Khớp nối giữa                                                |                              | C (mm)  |
| Chiều cao                                                    |                              | 67      |
|                                                              |                              |         |
| KB                                                           | Chiều rộng tủ                |         |
| LW                                                           | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ |         |
| NL                                                           | Chiều dài ray trượt          |         |
| SPW Chiều rộng bên trong giữa các mặt hông ngăn kéo chậu rửa |                              |         |
| W = NL thành tủ ngoài - NL thành tủ trong - 10 mm            |                              |         |

## Sản phẩm

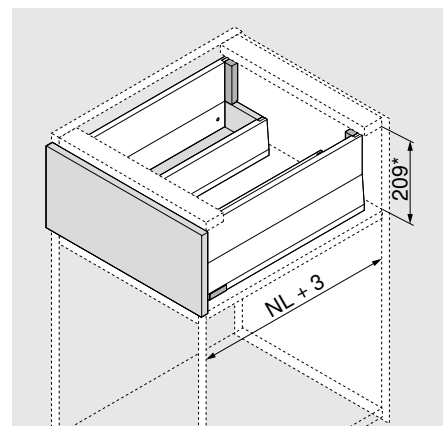


Ví dụ về ngăn kéo âm sử dụng BOXCAP

## Mô tả

- Với không gian ở giữa để tối ưu hóa việc sử dụng không gian lưu trữ
- Có thể được thực hiện với các chi tiết cơ bản
- Ray trượt được tích hợp BLUMOTION (giảm chấn) cho tất cả các tùy chọn, với vị trí lắp TIP-ON BLUMOTION và thanh cân bằng
- Có thể kết hợp với SERVO-DRIVE

## Yêu cầu về không gian



NL Chiều dài ray

\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

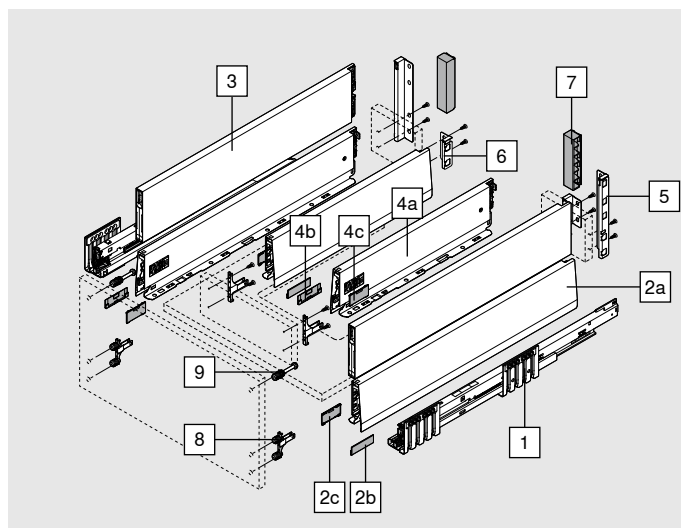
## Thông tin đặt hàng

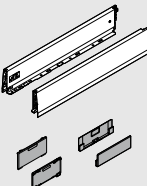
### Để xuất ứng dụng

Các mặt hông ngăn kéo chậu rửa có thể được kết hợp với tất cả các tùy chọn chiều cao E. Vui lòng xem trang liên quan để biết thông tin lập kế hoạch và các thành phần cần đặt hàng.

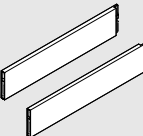
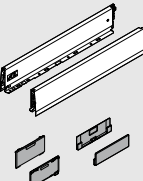
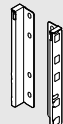
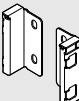
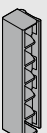
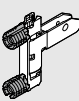
|                                             |    |
|---------------------------------------------|----|
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với thanh nâng cấp | 28 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCOVER       | 32 |
| Ngăn kéo cao dạng mô-đun với BOXCAP         | 36 |

| 1                                               | Ray trượt trái/phải   |            |           |
|-------------------------------------------------|-----------------------|------------|-----------|
|                                                 | Chiều dài ray NL (mm) | BLUMOTION* |           |
|                                                 |                       | 40 kg      | 70 kg     |
|                                                 | 450                   | 450.4501B  | 453.4501B |
|                                                 | 500                   | 450.5001B  | 453.5001B |
|                                                 | 550                   | 450.5501B  | 453.5501B |
|                                                 | 600                   | 450.6001B  | 453.6001B |
| * Thích hợp cho SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION |                       |            |           |



|                                                                                     |                               |                                                                   |   |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---|-----------|------|------|
|  | 2                             | Bộ thành ngăn kéo ngoài                                           |   |           |      |      |
|                                                                                     | Chiều cao thành ngăn kéo (mm) |                                                                   | M | 91        |      |      |
|                                                                                     | Chiều dài ray NL (mm)         |                                                                   |   | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 450                           |                                                                   |   | 470M4502S |      |      |
|                                                                                     | 500                           |                                                                   |   | 470M5002S |      |      |
|                                                                                     | 550                           |                                                                   |   | 470M5502S |      |      |
|                                                                                     | 600                           |                                                                   |   | 470M6002S |      |      |
| Bao gồm:                                                                            |                               |                                                                   |   |           |      |      |
| 2a                                                                                  | 1 x                           | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |   |           |      |      |
| 2b                                                                                  | 2 x                           | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |   |           |      |      |
| 2c                                                                                  | 2 x                           | Nắp đáy                                                           |   |           |      |      |

## Thông tin đặt hàng

|                                                                                                                                    |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------|----------|
| 3                                                                                                                                  | BOXCAP trái/phải                                  |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                   | Chất liệu                                         |                                                                   | Thép       |          |          |          |
|                                                                                                                                    | Chiều dài ray NL (mm)                             |                                                                   | SW-M       | IG-M     | OG-M     |          |
|                                                                                                                                    | 450                                               |                                                                   | ZL4.450S.E |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 500                                               |                                                                   | ZL4.500S.E |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 550                                               |                                                                   | ZL4.550S.E |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 600                                               |                                                                   | ZL4.600S.E |          |          |          |
| 4                                                                                                                                  | Bộ thành ngăn kéo âm                              |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                   | Chiều cao thành ngăn kéo (mm)                     |                                                                   | M          | 91       |          |          |
|                                                                                                                                    | Chiều dài ray NL (mm)                             |                                                                   | SW-M       | IG-M     | OG-M     |          |
|                                                                                                                                    | 300                                               |                                                                   | 470M3002S  |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 350                                               |                                                                   | 470M3502S  |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 400                                               |                                                                   | 470M4002S  |          |          |          |
|                                                                                                                                    | 450                                               |                                                                   | 470M4502S  |          |          |          |
| Bao gồm:                                                                                                                           |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| 4a                                                                                                                                 | 1 x                                               | Thành ngăn kéo trái/phải                                          |            |          |          |          |
| 4b                                                                                                                                 | 2 x                                               | Logo thương hiệu, được đóng logo Blum, in tùy chỉnh từ 1000 chiếc |            |          |          |          |
| 4c                                                                                                                                 | 2 x                                               | Nắp đáy                                                           |            |          |          |          |
| Để sử dụng hiệu quả không gian lưu trữ, chúng tôi khuyến nghị:                                                                     |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| NL thành tủ ngoài - NL thành tủ trong = tối thiểu 150 mm                                                                           |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| 5                                                                                                                                  | Khớp nối sau dành cho ván ngoài trái/phải         |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                 | Chiều cao                                         |                                                                   | Chất liệu  | SW-M     | IG-M     | OG-M     |
|                                                                                                                                    | E                                                 |                                                                   | Thép       | ZB4E000S |          |          |
|                                                                                                                                    |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| 6                                                                                                                                  | Khớp nối sau dành cho ván trong trái/phải         |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                 | Chiều cao                                         |                                                                   | Chất liệu  | SW-M     | IG-M     | OG-M     |
|                                                                                                                                    | M                                                 |                                                                   | Thép       | ZB4M000S |          |          |
|                                                                                                                                    |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| 7                                                                                                                                  | Nắp đáy khớp nối sau vít dùng cho ván công nghiệp |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                 | Phiên bản                                         |                                                                   | Chất liệu  | SW-M     | IG-M     | OG-M     |
|                                                                                                                                    | Đối xứng                                          |                                                                   | Nhựa       | 2 x      | ZB4M00AK |          |
|                                                                                                                                    |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| 8                                                                                                                                  | Khớp nối trước                                    |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                 | Cách lắp                                          |                                                                   |            |          |          |          |
|                                                                                                                                    | EXPANDO T                                         |                                                                   |            |          | 4 x      | ZF4.10T2 |
|                                                                                                                                    | INSERTA*                                          |                                                                   |            |          | 2 x      | ZF4.10I2 |
|                                                                                                                                    | Bắt vít**                                         |                                                                   |            |          | 4 x      | ZF4.1002 |
|  * Không thể sử dụng khớp nối giữa với INSERTA! |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| ** Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                                                                   |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                                                                          |                                                   |                                                                   |            |          |          |          |

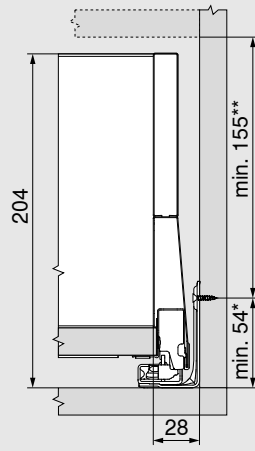
## Thông tin đặt hàng

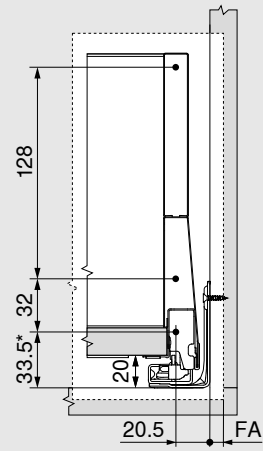
| 9                                                                                 | Đỉnh khớp nối trước                                                                  |     |          |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--|
|  | <b>Cách lắp</b>                                                                      |     |          |  |
|                                                                                   | EXPANDO T                                                                            | 2 x | ZF4.50T2 |  |
|                                                                                   | INSERTA                                                                              | 2 x | ZF4.50I2 |  |
|                                                                                   | Bắt vít – vít dùng cho ván công nghiệp lắp sẵn Ø 3.8 x 11.4 mm                       | 2 x | ZF4.5002 |  |
|                                                                                   | Bắt vít – vít chìm với đường kính đầu vít tối đa. 7 mm, đường kính ren tối đa. 4 mm* | 2 x | ZF4.5012 |  |
| * Gói hàng không bao gồm ốc vít                                                   |                                                                                      |     |          |  |
| EXPANDO T thích hợp với các mặt trước mỏng – xem trang 61                         |                                                                                      |     |          |  |

## Phụ kiện bổ sung

| Vít dùng cho ván công nghiệp                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|                            | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 609.1500    |
|                                                                                                             | 3.5    | 17             | Đối với khớp nối trước (bắt vít)                                                                  | 609.1700    |
| Bắt vít (vít đầu dẹt)                                                                                       |        |                |                                                                                                   |             |
|                           | Ø (mm) | Chiều dài (mm) | Chiều cao đầu vít tối đa: 2 mm                                                                    |             |
|                                                                                                             | 3.5    | 15             | Để gắn khớp nối sau dành cho ván với ván hậu gỗ công nghiệp và các thành ngăn kéo vào để ngăn kéo | 61R.1500    |
| Để lắp đặt tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị sử dụng vít đầu dẹt cho ván hậu gỗ công nghiệp và thành ngăn kéo |        |                |                                                                                                   |             |
| Vít hệ thống                                                                                                |        |                |                                                                                                   |             |
|                          | Ø (mm) | Chiều dài (mm) |                                                                                                   |             |
|                                                                                                             | 6      | 14.5           | Để kết nối ray trượt với hông tủ                                                                  | 661.1450.HG |

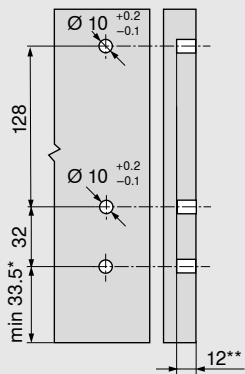
## Thông số kỹ thuật

| Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ                                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ       |
| ** Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm                                               |

| Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |
| * + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ         |
| FA Lớp mạ mặt trước                                                                   |

## Thông số kỹ thuật

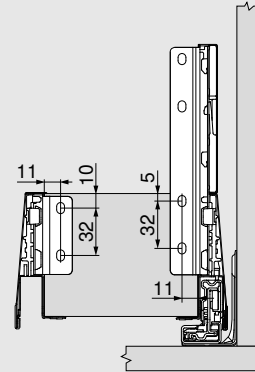
### Khoảng cách khoan mặt trước cho INSERTA/EXPANDO T



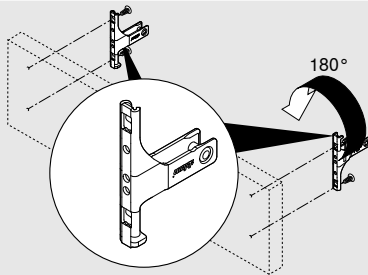
\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Tối thiểu 6 mm cho EXPANDO T

### Kích thước lắp đặt ván hậu

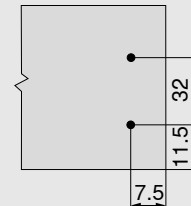


### Hướng xoay của khớp nối trước cho khớp nối giữa

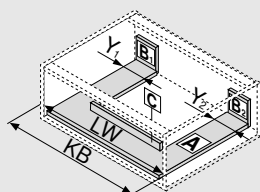
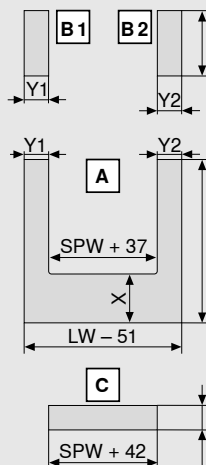


Không thể sử dụng với INSERTA!

### Khoảng cách khoan phần ở giữa



### Kích thước cắt cho ván công nghiệp 16 mm



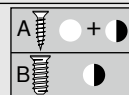
| Ván hậu gỗ công nghiệp                                       |                            | B (mm)  |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
| Chiều cao                                                    |                            | 83      |
| Chiều dài để                                                 |                            | A (mm)  |
| Ván hậu gỗ công nghiệp                                       |                            | NL - 26 |
| Y tối thiểu                                                  | 40 mm                      |         |
| Y tối thiểu                                                  | 99 mm với TIP-ON BLUMOTION |         |
| Y tối đa                                                     | 225 mm                     |         |
| Vị trí lỗ khoan để ngăn kéo                                  |                            |         |
| Có thể khoan mỗi khi sử dụng vít đầu dẹt                     | NL (mm)                    | X (mm)  |
|                                                              | > 450                      | 256     |
| Phần ở giữa                                                  |                            | C (mm)  |
| Chiều cao                                                    |                            | 67      |
| KB Chiều rộng tủ                                             |                            |         |
| LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ                              |                            |         |
| NL Chiều dài ray trượt                                       |                            |         |
| SPW Chiều rộng bên trong giữa các mặt hông ngăn kéo chậu rửa |                            |         |
| W = NL thành tủ ngoài - NL thành tủ trong - 10 mm            |                            |         |



### Ray trượt 450–40 kg

#### Chiều dài ray NL (mm)

| NL      | 19 | 37 | 69 |  | 197 | 229 |   | 261 | 293 |   |
|---------|----|----|----|--|-----|-----|---|-----|-----|---|
| 270–350 | ** | ○  | ○  |  | ○   | ○   | * |     |     |   |
| 400–600 | ** | ○  | ○  |  |     |     |   | ○   | ○   | * |



A Vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

B Hệ thống vít Ø 6 x 14.5 mm

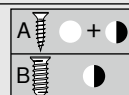
\* Để tạo sự ổn định cao ở hai bên  
Vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

\*\* Để tạo sự ổn định cao theo chiều dọc  
Có thể được thay thế bằng vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

### Ray trượt 453–70 kg

#### Chiều dài ray NL (mm)

| NL      | 19 | 28 | 37 | 69 |  | 261 | 275 | 293 |   | 389 | 403 | 421 |   |
|---------|----|----|----|----|--|-----|-----|-----|---|-----|-----|-----|---|
| 450–550 | ** | ○  | ○  | ○  |  | ○   | ○   | ○   | * |     |     |     |   |
| 600     | ** | ○  | ○  | ○  |  | ○   | ○   | ○   | * | ○   | ○   | ○   | * |



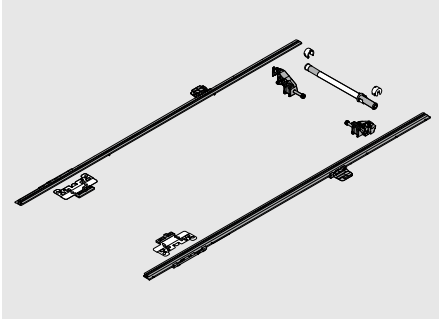
A Vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

B Hệ thống vít Ø 6 x 14.5 mm

\* Để tạo sự ổn định cao ở hai bên  
Vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

\*\* Để tạo sự ổn định cao theo chiều dọc  
Có thể được thay thế bằng vít dùng cho ván công nghiệp Ø 4 x 15 mm

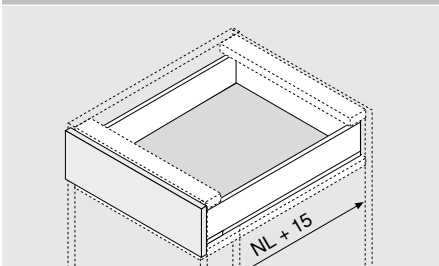
## Thanh cân bằng



## Mô tả

- Thanh cân bằng bổ sung cho hộc kéo rộng hơn
- Khuyến nghị: Chiều rộng tủ KB từ 900 đến 1400 mm
- Trục nhôm thích hợp cho chiều rộng tủ KB 1400 mm, cắt theo kích thước
- Thích hợp sử dụng với BLUMOTION, SERVO-DRIVE và TIP-ON BLUMOTION
- Không cần nối thêm không gian ở đáy tủ

### Yêu cầu về không gian



### Thông tin đặt hàng

#### Chiều dài ray NL (mm)

270–400

ZS4.400MU

450–600

ZS4.650MU

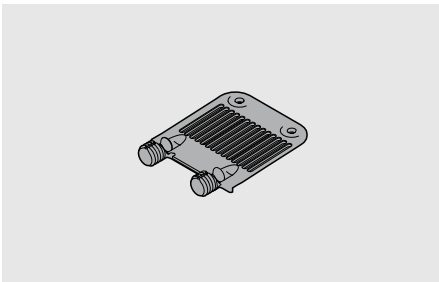
#### Cắt trực

Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 231 mm

#### Cắt thanh răng phía sau

Chiều dài ray NL + 10 mm

## Thiết bị cố định đế/mặt trước



## Mô tả

- Để hỗ trợ đế ngăn kéo rộng

### Thông tin đặt hàng

#### Thiết bị cố định đế/mặt trước

##### Màu sắc

Màu xám tro RAL 7037

##### Chất liệu

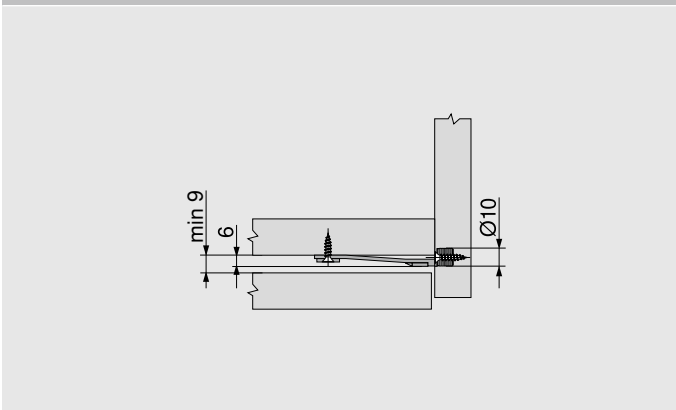
Nhựa

Z96.10E1

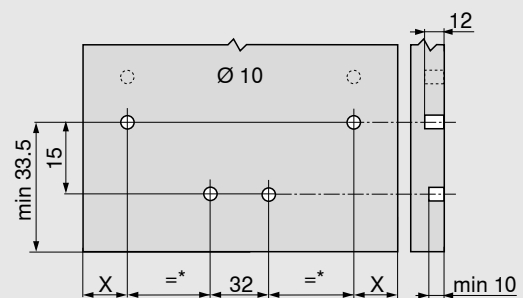
#### Khuyến dùng:

Chiều rộng tủ KB &gt; 900 mm: 1 cái

### Yêu cầu về không gian



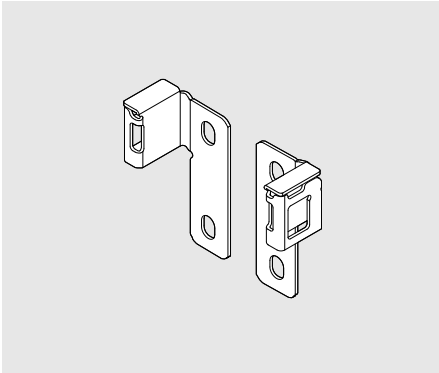
### Khoảng cách khoan mặt trước



X 20.5 mm + lớp mạ mặt trước FA

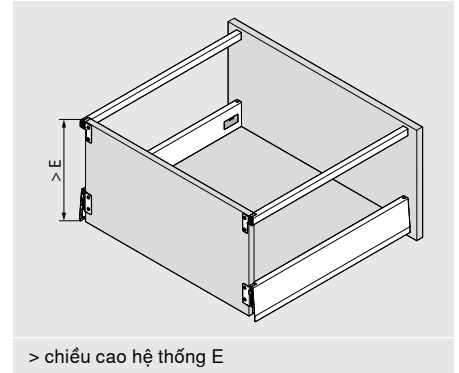
\* Tối thiểu 105

## Linh hoạt lắp đặt thanh nâng cấp



- Để nối thanh nâng cấp với mặt hậu ván gỗ công nghiệp
- > chiều cao hệ thống E (phụ kiện mô-đun)
- Chất liệu: thép

## Yêu cầu về không gian



> chiều cao hệ thống E

### Linh hoạt lắp đặt thanh nâng cấp

Bắt buộc đặt hàng riêng cho khóa trái/phải

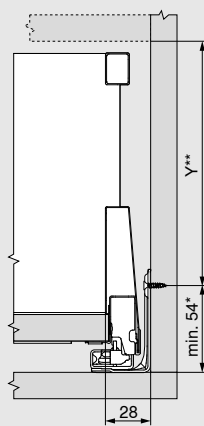
SW-M

IG-M

OG-M

ZRR.4000

### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ

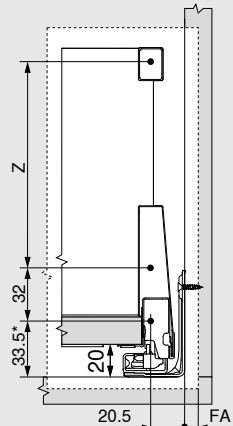


$$Y = X - 29 \text{ mm}$$

\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

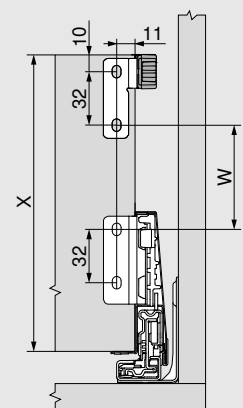
### Kích thước lắp đặt cho mặt trước đối với cách lắp bằng vít



$$Z = X - 56 \text{ mm}$$

\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp đặt thùng tủ

### Kích thước lắp đặt ván hậu



X = chiều cao ván hậu ngăn kéo (>184 mm = chiều cao hệ thống E)

$$W = X - 115 \text{ mm}$$

## Tua vít TORX



## Mô tả

- TORX kích thước 20 (T20)
- Chiều dài lưỡi từ 35 đến 100 mm
- Tổng chiều dài từ 100 đến 210 mm
- Tay nắm màu cam có logo Blum
- Để điều chỉnh

### Tua vít TORX

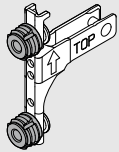
| Tổng chiều dài (mm) | Chiều dài lưỡi (mm) |           |
|---------------------|---------------------|-----------|
| 100                 | 35                  | 623.882.2 |
| 210                 | 100                 | 209.093.7 |

## EXPANDO T



- EXPANDO T - hệ thống phụ kiện lắp đặt trước
- Mặt cánh mỏng từ 8 mm trở lên
- Chất liệu mặt cánh khác nhau
- 3 ứng dụng khác nhau - hệ thống tay nâng | hệ thống bản lề | hệ thống ray hộp

## Khớp nối trước



Khớp nối trước

ZF4.10T2

Đỉnh khớp nối trước

ZF4.50T2

## Thiết bị cố định đế/mặt trước



Màu sắc

Màu xám tro  
RAL 7037

Chất liệu

Nhựa

Z96.00T1

## Khuyến dùng:

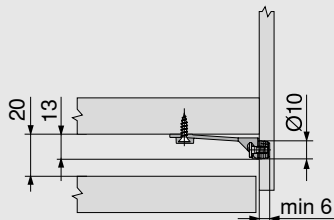
Chiều rộng tủ KB &gt; 600 mm: 1 cái

Chiều rộng tủ KB &gt; 900 mm: 2 cái

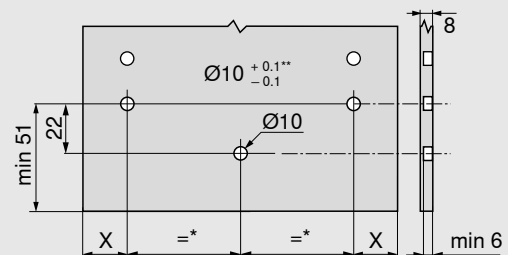
Chiều cao mặt trước FH &gt; 380 mm: 1 cái

## Thiết bị cố định đế/mặt trước

## Yêu cầu về không gian



## Kiểu khoan/chiều sâu lỗ khoan



X = 14 mm + lớp mạ mặt trước FA

\* Tối thiểu 80

\*\* Đối với đá và gốm +0.2/-0.1 mm

## EXPANDO T

## Khu vực ứng dụng và đề xuất lắp đặt

EXPANDO T thích hợp với các phụ kiện khớp nối Blum cho các mặt trước thùng tủ mỏng bằng tất cả các loại vật liệu trong thiết kế thùng tủ.

Vật liệu có thể chỉ dày từ 8 mm trở lên, miễn là đủ ổn định và chắc chắn.

## Chất liệu đã được Blum kiểm nghiệm

Độ bền căng ngang  
(N/mm<sup>2</sup>)

Nm

Ván công nghiệp

&gt; 0.40

1.5

MDF

&gt; 0.60

1.5

HDF

2

HPL

2

Hợp chất khoáng

2

Đá granit - Nero Assoluto

3

Đá nhân tạo - hợp chất thạch anh

3

Tấm ceramic

3

Nm Lực xoắn khi vặn tối thiểu

## Từ chối trách nhiệm pháp lý

Blum không chịu trách nhiệm khi sử dụng EXPANDO T kết hợp với các chất liệu không nằm trong danh sách hoặc phụ kiện từ nhà sản xuất khác. Nên để nhà sản xuất đồ nội thất có kinh nghiệm lắp đặt.

## BOXFIX plus



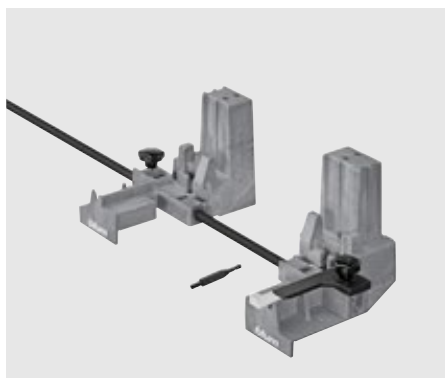
- Thiết bị lắp ráp dùng khí nén giúp lắp ráp ngăn kéo
- Cách lắp ráp: Sử dụng vít hoặc đinh
- Chiều dài ray NL 270–650 mm
- Chiều rộng tủ KB 250–1.200 mm
- Chiều cao ván hậu lên đến 250 mm (bằng gỗ và thép)
- Chất liệu: nhôm/thép

### Thông tin đặt hàng

#### BOXFIX plus

ZMM.2500

## BOXFIX E-M



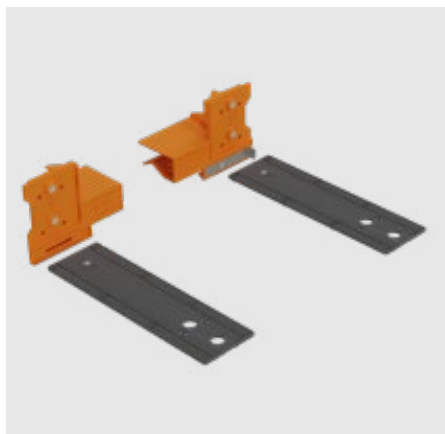
- Thiết bị lắp ráp ngăn kéo giúp lắp đặt ngăn kéo
- Cách lắp bằng vít
- Chiều dài ray NL 270–600 mm
- Chiều rộng tủ KB 250–1.200 mm
- Chiều cao ván hậu lên đến 250 mm
- Chất liệu: nhựa/thép
- BOXFIX phù hợp cho độ dày đáy ngăn kéo 18 mm theo yêu cầu

### Thông tin đặt hàng

#### BOXFIX E-M

ZMM.0400

## Cờ lấy dấu dùng cho MERIVOBX



- Cờ để đánh dấu vị trí lắp của các khớp nối trước
- Chất liệu: Nhựa/thép

### Thông tin đặt hàng

#### Cờ lấy dấu dùng cho MERIVOBX

ZML.4010

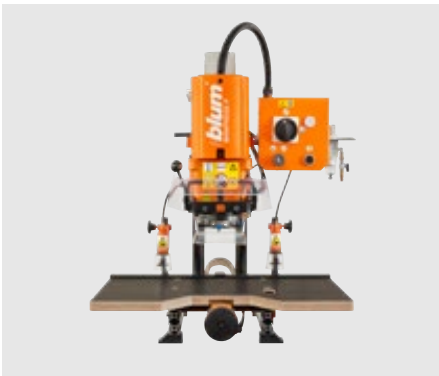
## MINIPRESS top



- Khoan dọc và tùy chọn lắp ráp phụ kiện Blum
- Thay nhanh đầu khoan đã được gắn sẵn mũi khoan
- Dễ dàng sử dụng hệ thống định vị nhờ khả năng chuyển đổi nhanh thước đo được cài đặt sẵn mà không cần dụng cụ
- Điều chỉnh kích thước đơn giản nhờ các bộ phận vận hành dễ tiếp cận và màn hình hiển thị chính xác

| Thông tin đặt hàng               |          |
|----------------------------------|----------|
| MINIPRESS top với EASYSTICK      |          |
|                                  | M70E2000 |
| Bao gồm thiết bị khoan ngang     | M75E2000 |
| MINIPRESS top không có EASYSTICK |          |
|                                  | M70.2000 |

## MINIPRESS P



- Bao gồm hộp số xoay đa chiều (5 trục)
- Kèm theo hệ thống thước đo, bao gồm thước đo tiêu chuẩn (600 mm) và bộ dụng cụ
- Có nhiều lựa chọn cho mức điện áp khác nhau
- Thước đo, đầu khoan và các phụ tùng khác không được bao gồm khi mua máy cơ bản
- Có thể tùy ý chọn nâng cấp với EASYSTICK

| Thông tin đặt hàng        |            |
|---------------------------|------------|
| MINIPRESS P               |            |
| 230 V, không có bàn       | M53.3050EU |
| 230 V, có bàn và phụ tùng | M53.2050EU |
| 400 V, có bàn và phụ tùng | M53.2000EU |

## EASYSTICK



- Máy tính EASYSTICK (bao gồm giá đỡ) giúp tính toán tự động các vị trí lắp – cần phải đặt hàng riêng
- Thước đo EASYSTICK có khả năng di chuyển tự động, đi kèm với chốt dừng và các móc đánh dấu phát sáng (dài 1.700 mm, vị trí dừng từ 6–953 mm) – cần phải đặt hàng riêng
- Thước đo kéo dài EASYSTICK cho các vị trí dừng từ 953–2.681 mm – cần phải đặt hàng riêng

| Thông tin đặt hàng          |             |
|-----------------------------|-------------|
| EASYSTICK cho MINIPRESS top |             |
| Thước                       | MZD.2700    |
| Máy tính                    | MZD.5700.01 |
| EASYSTICK cho MINIPRESS P   |             |
| Thước                       | MZD.2000    |
| Máy tính                    | MZD.5000    |

## SERVO-DRIVE



Để biết thêm thông tin về SERVO-DRIVE, vui lòng truy cập:

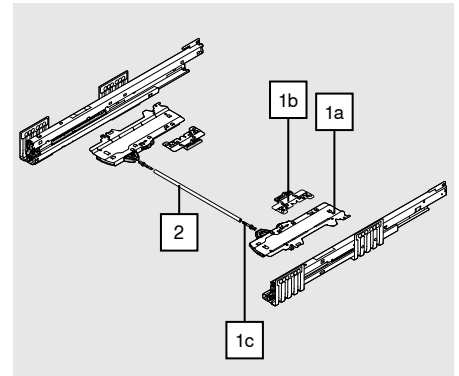
[www.blum.com/sdr5](http://www.blum.com/sdr5)

## TIP-ON BLUMOTION



## Mô tả

- Hệ thống hỗ trợ mở bằng lò xo TIP-ON kết hợp với giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Khoảng hở mặt trước tối thiểu nhỏ chỉ 2.5 mm
- Phạm vi kích hoạt được mở rộng
- Đồng bộ hóa tùy chọn từ chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW 243 mm - chúng tôi thường khuyến nghị đồng bộ hóa trong mọi trường hợp
- Tùy chọn điều chỉnh mặt trước 4 chiều



## Thông tin đặt hàng

| 1                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                | Bộ TIP-ON BLUMOTION                      |                                   |                               |          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|----------|
| Bộ TIP-ON BLUMOTION có sẵn với các cường độ khác nhau để phù hợp với các trọng lượng và chiều dài ray khác nhau. Mỗi phiên bản có một màu khác nhau để dễ phân biệt. Chốt kích hoạt có thể được sử dụng phổ biến cho tất cả các thiết bị TIP-ON BLUMOTION. |                                                                                                |                                          |                                   |                               |          |
| NL (mm)                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ sản phẩm                                                                                    |                                          | Lớp ngoài cùng của ray trượt (kg) | Trọng lượng (kg) <sup>1</sup> |          |
| 270–300                                                                                                                                                                                                                                                    | S0                                                                                             | Màu trắng                                | 40                                | ≤ 10                          | T60H4040 |
| 270–300                                                                                                                                                                                                                                                    | S1                                                                                             | Màu xám lọt                              | 40                                | > 10–20                       | T60H4140 |
| 350–600                                                                                                                                                                                                                                                    | L1                                                                                             | Màu xám nhạt                             | 40                                | ≤ 20                          | T60H4340 |
| 350–600                                                                                                                                                                                                                                                    | L3                                                                                             | Màu xám tro                              | 40                                | 15–40                         | T60H4540 |
| 450–600                                                                                                                                                                                                                                                    | L5                                                                                             | Màu đen                                  | 70                                | 35–70                         | T60H4570 |
| Bao gồm:                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                |                                          |                                   |                               |          |
| 1a                                                                                                                                                                                                                                                         | 1 x                                                                                            | Bộ TIP-ON BLUMOTION trái/phải            |                                   |                               |          |
| 1b                                                                                                                                                                                                                                                         | 2 x                                                                                            | Chốt TIP-ON BLUMOTION đối xứng           |                                   |                               |          |
| 1c                                                                                                                                                                                                                                                         | 2 x                                                                                            | Bộ chuyển đổi đồng bộ TIP-ON BLUMOTION   |                                   |                               |          |
|                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW ≥ 297 mm |                                   |                               |          |
| <sup>1</sup>                                                                                                                                                                                                                                               | Phạm vi trọng lượng đề xuất (tổng trọng lượng của ngăn kéo) để tính năng đóng và mở đạt tối ưu |                                          |                                   |                               |          |
| <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                               | Chỉ có thể kết hợp với lớp ngoài cùng của ray trượt 40 kg                                      |                                          |                                   |                               |          |
| <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                               | Khuyến nghị: Chỉ sử dụng kết hợp với lớp ngoài cùng của ray trượt 70 kg                        |                                          |                                   |                               |          |
| Để tính toán chính xác cho bộ TIP-ON BLUMOTION, hãy sử dụng Bộ cấu hình sản phẩm: <a href="http://www.blum.com/configurator">www.blum.com/configurator</a>                                                                                                 |                                                                                                |                                          |                                   |                               |          |

| Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW ≥ 297 mm                                                                     |                                          |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
| 2 Đầu nối thanh cân bằng TIP-ON BLUMOTION                                                                    |                                          |         |
|                                                                                                              | Phiên bản                                | Màu sắc |
|                                                                                                              | Hình tròn                                | Màu xám |
| T60.1125W                                                                                                    |                                          |         |
| Kết hợp với 1c 2 x T60.000D                                                                                  |                                          |         |
| Phù hợp với chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW đến 1370 mm                                                      |                                          |         |
| Chú ý                                                                                                        |                                          |         |
| Để tối ưu hóa chức năng và tăng phạm vi kích hoạt, chúng tôi thường khuyến nghị bạn nên sử dụng đồng bộ hóa. |                                          |         |
| Cắt                                                                                                          | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 250 mm |         |

| Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW 243-296 mm |                                          |                      |
|--------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------|
| Đồng bộ hóa TIP-ON BLUMOTION               |                                          |                      |
|                                            | Phiên bản                                | Màu sắc              |
|                                            | Hình vuông                               | Màu xám lọt RAL 7035 |
| T60.300D                                   |                                          |                      |
| Cắt                                        | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 224 mm |                      |

## Thông tin đặt hàng

### Phụ kiện bổ sung

| Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW ≥ 297 mm                                          |                                        |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|
| 1c                                                                                | Đầu nối thanh đồng bộ TIP-ON BLUMOTION |                       |
|  | Phiên bản                              | Màu sắc               |
|                                                                                   | Đối xứng                               | Màu xám nhạt RAL 7035 |
|                                                                                   | T60.000D                               |                       |
| Đặt hàng 2x                                                                       |                                        |                       |

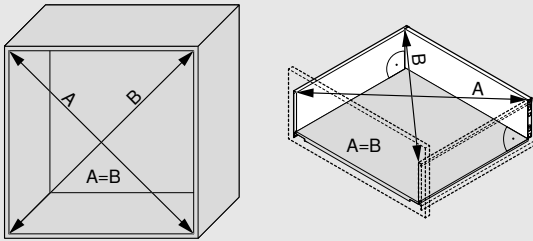
### Cỡ điều chỉnh/kiểm tra TIP-ON BLUMOTION

|  | Khoảng hở mặt trước FS (mm) | Màu sắc |
|--|-----------------------------|---------|
|  | 2.5                         | Màu cam |
|  | 65.5627                     |         |

## Thông số kỹ thuật

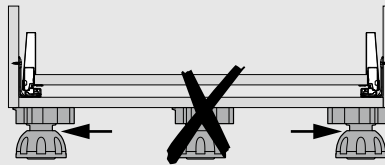
- TIP-ON BLUMOTION dùng cho MERIVOBX sử dụng cùng kích thước lắp đặt chuẩn như MERIVOBX
- Các sơ đồ sau đây minh họa cho một ngăn kéo có chiều cao M

### Kết cấu đồ nội thất

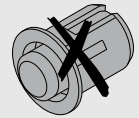


Cần phải chế tạo chính xác để đảm bảo khoảng hở mặt trước ít nhất là 2.5 mm. Điều này có nghĩa là việc xây dựng phải tuân theo các kích thước và góc độ đã được lên kế hoạch.

### Chân bậc thang ngăn kéo



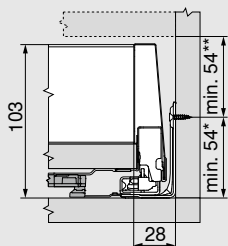
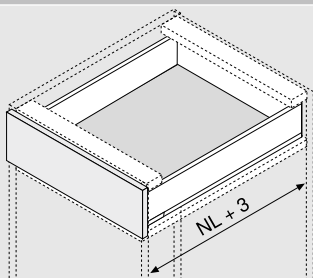
### Lắp ráp mặt trước ngăn kéo



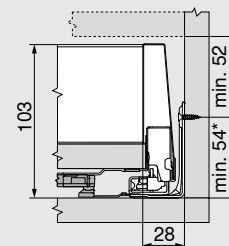
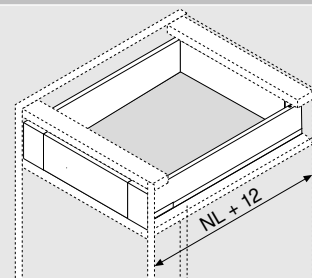
Không được lắp nút đệm tạo khe hở cho TIP-ON BLUMOTION!

### Các yêu cầu về không gian trong thùng tủ

#### Hộc tủ/ngăn kéo cao



#### Ngăn kéo âm



\* + 1 mm nếu lớp ngoài cùng của ray trượt được lắp trước khi lắp ráp thùng tủ

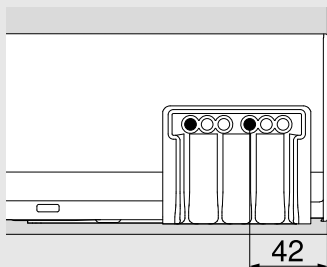
\*\* Bao gồm điều chỉnh độ nghiêng 2 mm

Chốt kích hoạt (ZI7.0M06) và hãm chốt kích hoạt (ZIF.7002) không thể sử dụng kết hợp với TIP-ON BLUMOTION

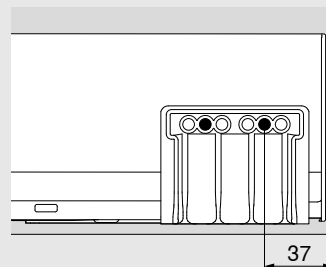
NL Chiều dài ray

## Thông số kỹ thuật

### Vị trí bắt vít – ngăn kéo âm | ngăn kéo âm

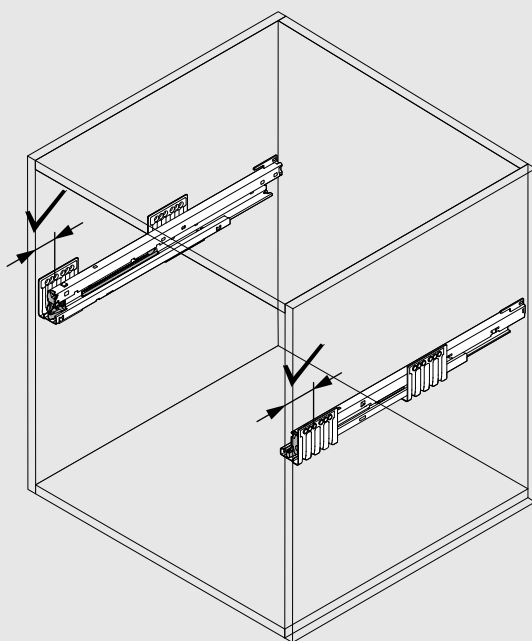


Tùy chọn 1



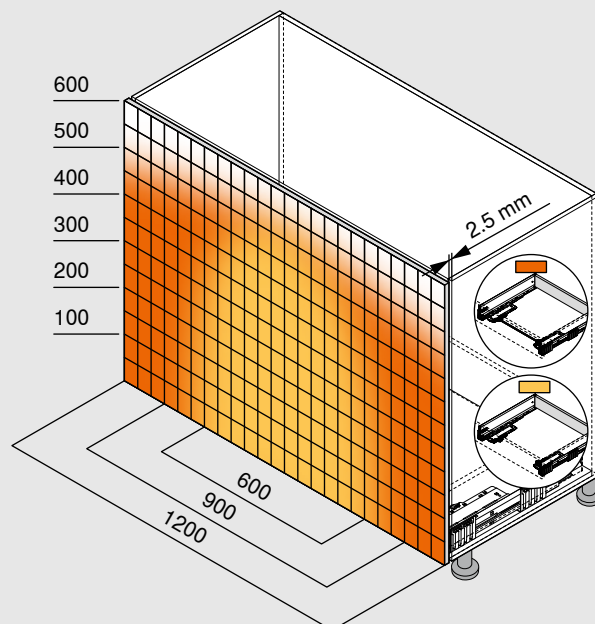
Tùy chọn 2

### Vị trí độ sâu



Đảm bảo rằng cả hai lớp ngoài cùng của ray trượt đều được định vị ở độ sâu chính xác.

### Phạm vi hoạt động



#### Phạm vi hoạt động

- Có thanh đồng bộ
- Không có thanh đồng bộ

#### Khoảng hở mặt trước tối thiểu (mm)

2.5

Để tối ưu hóa chức năng và tăng phạm vi kích hoạt, chúng tôi thường khuyên bạn nên sử dụng đồng bộ hóa.

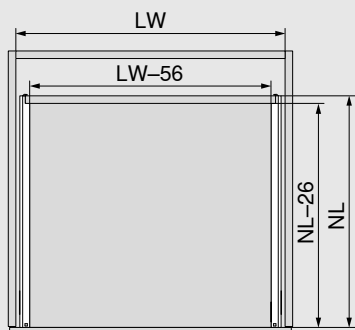
Ví dụ cho chiều cao E, chiều dài ray NL 500 mm

## Lắp đặt, điều chỉnh và tháo rời


[www.blum.com/tobmvx](http://www.blum.com/tobmvx)

## Kích thước cắt

### Kích thước cắt cho khay để dao/thảm chống trượt

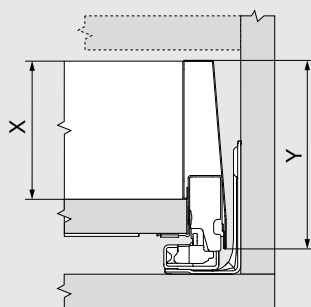


#### Chiều dài

Chiều dài ray NL của thành ngăn kéo - 26 mm

#### Chiều rộng

Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 56 mm



#### Chiều cao X của thành ngăn kéo âm

Chiều cao N - 44.5 mm

Chiều cao M - 67 mm

Chiều cao K - 105 mm

Chiều cao E - 168 mm

#### Chiều cao Y của thành ngăn kéo bên ngoài

Chiều cao N - 68.5 mm

Chiều cao M - 91 mm

Chiều cao K - 129 mm

Chiều cao E - 192 mm

## Chất liệu và màu sắc

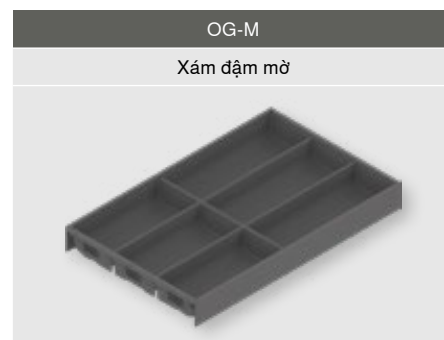
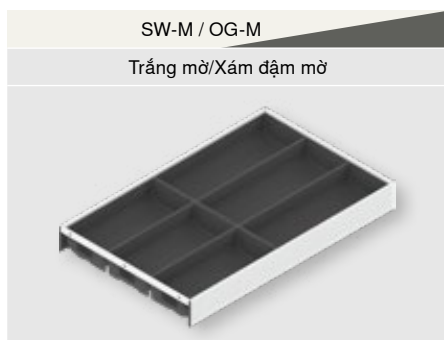
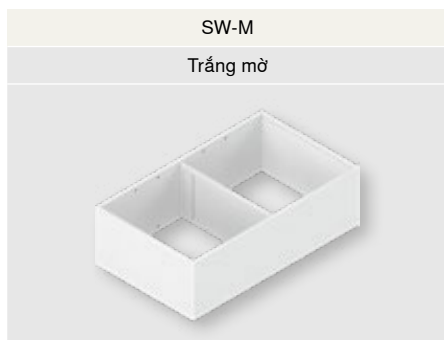
### Thiết kế bằng thép



Tìm hiểu thêm thông tin về AMBIA-LINE

[www.blum.com/ambialine](http://www.blum.com/ambialine)

### Màu sắc



## Chất liệu và màu sắc

### Thiết kế bằng gỗ



Tìm hiểu thêm thông tin về AMBIA-LINE

[www.blum.com/ambialine](http://www.blum.com/ambialine)

### Màu



## Khay để dao

### Thiết kế bằng thép



- Ngăn kéo với lớp phủ mềm
- Bề mặt bền, giảm ồn
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thích hợp với ngăn kéo MERIVOBX chiều cao M và K
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 450 đến 600 mm
- Chiều cao khung 50 mm
- Chất liệu: Thép, phủ bột

### Thông tin đặt hàng

| Khay chia dao kéo                                                                   |                    |                 |             |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------------|------|------|
|                                                                                     | Chiều dài ray (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M / OG-M | IG-M | OG-M |
|   | 450                | 300             | ZC7S450BS3  |      |      |
|  | 500                | 300             | ZC7S500BS3  |      |      |
|  | 550                | 300             | ZC7S550BS3  |      |      |
|  | 600                | 300             | ZC7S600BS3  |      |      |

## Khay chia dao kéo

### Thiết kế bằng gỗ



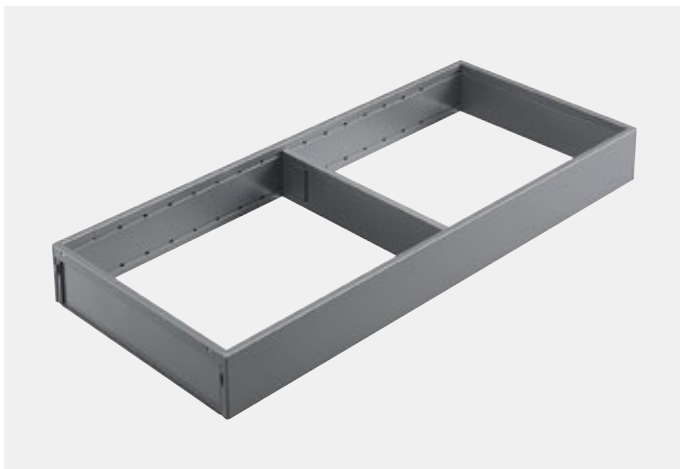
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thích hợp với ngăn kéo MERIVOBX chiều cao M và K
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 450 đến 600 mm
- Chiều cao khung 50 mm
- Chất liệu: Gỗ trang trí/thép

### Thông tin đặt hàng

| Khay chia dao kéo                                                                   |                           |                 |            |           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|-----------|-----------|
|                                                                                     | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S/SW-M  | E02G/OG-M | N01T/CS-M |
|   | 450                       | 300             | ZC7S450BH3 |           |           |
|  | 500                       | 300             | ZC7S500BH3 |           |           |
|  | 550                       | 300             | ZC7S550BH3 |           |           |
|  | 600                       | 300             | ZC7S600BH3 |           |           |

## Khung chia ngăn kéo

### Thiết kế bằng thép



- Thiết kế nhả nhận, gọn gàng
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thanh chia ngang có thể điều chỉnh được, có thể điều chỉnh tùy theo vật dụng lưu trữ, có thể điều chỉnh kiểu lỗ không cần dụng cụ
- Dụng cụ cắt màng bọc thực phẩm/màng nhôm và khay đựng dao tùy chọn
- Thích hợp với ngăn kéo MERIVOBX chiều cao M và K
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 270 đến 600 mm
- Chiều cao khung 50 mm
- Chất liệu: Thép, lớp phủ mềm

### Thông tin đặt hàng

| Khung chia ngăn kéo dùng cho các loại chiều dài ray từ 270 mm trở lên             |                           |                 |            |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|------|------|
|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                                                                                   | 270—400                   | 242             | ZC7S300RSU |      |      |
| Bao gồm nam châm để kết nối với thành ngăn kéo hoặc mặt sau bằng thép             |                           |                 |            |      |      |

| Bộ phận giúp kết nối với ván hậu gỗ công nghiệp (tùy chọn)                          |           |                 |          |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|----------|------|------|
|  | Chiều cao | Chiều rộng (mm) | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | M         | 242             | ZC7A0U0M |      |      |
|                                                                                     | K         | 242             | ZC7A0U0K |      |      |
| Khuyến nghị dùng chiều dài ray từ 350 mm                                            |           |                 |          |      |      |

| Khung chia ngăn kéo                                                                 |                                                                                     |                 |            |            |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|------------|------|
|  | Chiều dài danh nghĩa (mm)                                                           | Chiều rộng (mm) | SW-M       | IG-M       | OG-M |
|                                                                                     | 450                                                                                 | 100             | ZC7S450RS1 |            |      |
|                                                                                     | 500                                                                                 | 100             | ZC7S500RS1 |            |      |
|                                                                                     | 550                                                                                 | 100             | ZC7S550RS1 |            |      |
|  | 600                                                                                 | 100             | ZC7S600RS1 |            |      |
|                                                                                     |                                                                                     |                 |            |            |      |
|  | 450                                                                                 | 200             | ZC7S450RS2 |            |      |
|                                                                                     | 500                                                                                 | 200             | ZC7S500RS2 |            |      |
|                                                                                     | 550                                                                                 | 200             | ZC7S550RS2 |            |      |
|                                                                                     |  | 600             | 200        | ZC7S600RS2 |      |
|                                                                                     |                                                                                     |                 |            |            |      |

| Thanh chia ngang                                                                    |                |                 |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|------|------|
|  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 50             | 100             | ZC7Q010SS |      |      |
|  | 50             | 200             | ZC7Q020SS |      |      |
|                                                                                     |                |                 |           |      |      |
|  | 50             | 242             | ZC7Q0U0SS |      |      |
|                                                                                     |                |                 |           |      |      |

## Khung chia ngăn kéo

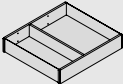
### Thiết kế bằng gỗ



- Thiết kế nhã nhặn, gọn gàng
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thanh chia ngang có thể điều chỉnh được, có thể điều chỉnh tùy theo vật dụng lưu trữ, có thể điều chỉnh kiểu lỗ không cần dụng cụ
- Dụng cụ cắt màng bọc thực phẩm/giấy bạc và khay đựng dao tùy chọn
- Thích hợp với ngăn kéo MERIVOBX chiều cao M và K
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 270 đến 600 mm
- Chiều cao khung 50 mm
- Chất liệu: Gỗ trang trí/thép

### Thông tin đặt hàng

Khung chia ngăn kéo dùng cho các loại chiều dài ray từ 270 mm trở lên

|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S/SW-M  | E02G/OG-M | N01T/CS-M |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|-----------|-----------|
|                                                                                    | 270–400                   | 242             | ZC7S300RHU |           |           |

Khung chia ngăn kéo

|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S/SW-M  | E02G/OG-M | N01T/CS-M |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|-----------|-----------|
|                                                                                     | 450                       | 100             | ZC7S450RH1 |           |           |
|  | 500                       | 100             | ZC7S500RH1 |           |           |
|                                                                                     | 550                       | 100             | ZC7S550RH1 |           |           |
|                                                                                     | 600                       | 100             | ZC7S600RH1 |           |           |
|  | 450                       | 200             | ZC7S450RH2 |           |           |
|                                                                                     | 500                       | 200             | ZC7S500RH2 |           |           |
|                                                                                     | 550                       | 200             | ZC7S550RH2 |           |           |
|  | 600                       | 200             | ZC7S600RH2 |           |           |

Thanh chia ngang với kẹp lò xo

|  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S      | E02G | N01T |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|------|------|
|                                                                                     | 50             | 100             | ZC7Q010SH |      |      |
|  | 50             | 200             | ZC7Q020SH |      |      |
|                                                                                     |                |                 |           |      |      |
|  | 50             | 242             | ZC7Q000SH |      |      |
|                                                                                     |                |                 |           |      |      |

## Khung chia ngăn kéo cao

### Thiết kế bằng thép



- Thiết kế nhả nhận, gọn gàng
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thanh chia ngang có thể điều chỉnh được, có thể điều chỉnh tùy theo vật dụng lưu trữ, có thể điều chỉnh kiểu lỗ không cần dụng cụ
- Có tùy chọn khay đựng gia vị
- Thích hợp cho ngăn kéo cao MERIVOBX và ngăn kéo âm, chiều cao E
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 270 đến 600 mm
- Chiều cao khung 110 mm
- Chất liệu: Thép, phủ bột

### Thông tin đặt hàng

| Khung chia ngăn kéo cao |                           |                 |            |      |      |
|-------------------------|---------------------------|-----------------|------------|------|------|
|                         | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                         | 270–600                   | 242             | ZC7F300RSU |      |      |
|                         | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) |            |      |      |
|                         | 400–600                   | 218             | ZC7F400RSP |      |      |

| Bộ phận giúp kết nối với ván hậu gỗ công nghiệp (tùy chọn)                          |                                          |                 |          |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|----------|------|------|
|  | Chiều cao                                | Chiều rộng (mm) | SW-M     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | E                                        | 242             | ZC7A0U0C |      |      |
|                                                                                     |                                          |                 |          |      |      |
|  | E                                        | 218             | ZC7A0P0C |      |      |
|                                                                                     |                                          |                 |          |      |      |
|                                                                                     | Khuyến nghị dùng chiều dài ray từ 350 mm |                 |          |      |      |

| Thanh chia ngang |                |                 |           |      |      |
|------------------|----------------|-----------------|-----------|------|------|
|                  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                  | 110            | 242             | ZC7Q0U0FS |      |      |
|                  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) |           |      |      |
|                  | 110            | 218             | ZC7Q0P0FS |      |      |

## Khung chia ngăn kéo cao

### Thiết kế bằng gỗ



- Thiết kế nhả nhận, gọn gàng
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thanh chia ngang có thể điều chỉnh được, có thể điều chỉnh tùy theo vật dụng lưu trữ, có thể điều chỉnh kiểu lỗ không cần dụng cụ
- Có tùy chọn khay đựng gia vị
- Thích hợp cho ngăn kéo cao MERIVOBX và ngăn kéo âm, chiều cao E
- Có thể sử dụng cho chiều dài ray 270 đến 600 mm
- Chiều cao khung 110 mm
- Chất liệu: Gỗ trang trí/thép

### Thông tin đặt hàng

| Khung chia ngăn kéo cao                                                             |                           |                 |            |           |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|-----------|-----------|
|   | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S/SW-M  | E02G/OG-M | N01T/CS-M |
|                                                                                     | 270–600                   | 242             | ZC7F300RHU |           |           |
|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) |            |           |           |
|                                                                                     | 400–600                   | 218             | ZC7F400RHP |           |           |

| Thanh chia ngang                                                                    |                |                 |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------|------|------|
|  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) | E01S      | E02G | N01T |
|                                                                                     | 110            | 242             | ZC7Q0U0FH |      |      |
|  | Chiều cao (mm) | Chiều rộng (mm) |           |      |      |
|                                                                                     | 110            | 218             | ZC7Q0P0FH |      |      |

## Mặt trước ngăn kéo âm AMBIA-LINE

### Thiết kế bằng thép



- Thanh chia ngang bằng nhôm dùng để cắt theo kích thước
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thích hợp cho ngăn kéo cao MERIVOBX và ngăn kéo âm, chiều cao E

### Thông tin đặt hàng

| Thanh chia ngang dùng để cắt theo kích thước                                        |                                                                             |                                          |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------|------|
|   | Chiều dài (mm)                                                              | SW-M                                     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 1059                                                                        | ZR4.1059U                                |      |      |
|                                                                                     | Thích hợp cho chiều rộng tủ KB lên đến 1200 mm                              |                                          |      |      |
| Cắt theo kích thước                                                                 |                                                                             |                                          |      |      |
| Cắt:                                                                                |                                                                             | Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW - 111 mm |      |      |
| Linh kiện kèm theo                                                                  |                                                                             |                                          |      |      |
|  |                                                                             | SW-M                                     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | Thanh nâng cấp, thanh nâng cấp với thành thiết kế, BOXCAP, thành ngăn kéo E | ZC4U10E0                                 |      |      |
|                                                                                     | Thành thiết kế BOXCOVER                                                     | ZC4U11E0                                 |      |      |
| Khẩu chia ô                                                                         |                                                                             |                                          |      |      |
|  | Chiều dài (mm)                                                              | SW-M                                     | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 84                                                                          | ZC4U10F0                                 |      |      |

## Khay đựng chai lọ

### Thiết kế bằng thép



- Bộ đựng chai lọ dùng kết hợp với khung chia ngăn kéo, cho chiều dài ray 450 mm hoặc dài hơn, thiết kế bằng thép
- Có thể đặt ở bất kỳ nơi nào bạn muốn và giữ an toàn
- Thích hợp cho ngăn kéo cao MERIVOBX, chiều cao E
- Chiều cao lắp đặt 140 mm (khung chia ngăn kéo có bộ đựng chai lọ)
- Chất liệu: Thép, phủ bột

### Thông tin đặt hàng

| Khay đựng chai lọ                                                                   |                                  |                 |           |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|-----------|------|------|
|   | Chiều dài danh nghĩa (mm)        | Chiều rộng (mm) | SW-M      | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | từ 450                           | 100             | ZC7B0100S |      |      |
|  | 450 trở lên                      | 200             | ZC7B0200S |      |      |
|                                                                                     | Không thích hợp cho ngăn kéo âm. |                 |           |      |      |

| Khung chia ngăn kéo hẹp                                                             |                           |                 |            |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|------|------|
|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 450                       | 100             | ZC7S450RS1 |      |      |
|                                                                                     | 500                       | 100             | ZC7S500RS1 |      |      |
|  | 550                       | 100             | ZC7S550RS1 |      |      |
|                                                                                     | 600                       | 100             | ZC7S600RS1 |      |      |

| Khung chia ngăn kéo rộng                                                            |                           |                 |            |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|------------|------|------|
|  | Chiều dài danh nghĩa (mm) | Chiều rộng (mm) | SW-M       | IG-M | OG-M |
|                                                                                     | 450                       | 200             | ZC7S450RS2 |      |      |
|                                                                                     | 500                       | 200             | ZC7S500RS2 |      |      |
|  | 550                       | 200             | ZC7S550RS2 |      |      |
|                                                                                     | 600                       | 200             | ZC7S600RS2 |      |      |

## Phụ kiện bếp



Phụ kiện bếp AMBIA-LINE cuốn hút với thiết kế sang trọng và công năng hoàn hảo. Khay để dao, khay đựng đĩa, khay gia vị và dụng cụ cắt màng bọc thực phẩm/màng nhôm giúp gian bếp thêm ngăn nắp. Mọi thứ chạy trơn tru bởi vì bạn có thể nhìn thấy rõ ràng đồ dùng trong ngăn kéo và mọi thứ luôn trong tầm tay.



### Phụ kiện bếp

Lắp đặt, điều chỉnh  
và tháo rời

[www.blum.com/  
ambialine-accessories](http://www.blum.com/ambialine-accessories)

## Thông tin đặt hàng

### Khay đựng dao

|  | Chiều dài (mm) | Chiều rộng (mm) | OG-M            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                     | 409            | 187             | <b>ZC7M0200</b> |
| Đựng 9 dao                                                                          |                |                 |                 |
| Cho hộc tủ/ ngăn kéo chiều cao M và chiều cao K                                     |                |                 |                 |
| Chiều dài ray 450 mm trở lên                                                        |                |                 |                 |

### Dụng cụ cắt màng bọc thực phẩm/màng nhôm

|  | Chiều dài (mm)                                                                    | Chiều rộng (mm) |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|
|                                                                                     | 409                                                                               | 187             | OG-M     |
|                                                                                     | Dụng cụ cắt đôi, màng bọc thực phẩm và màng nhôm, có lớp màng bọc/màng nhôm       |                 | ZC7C0000 |
|                                                                                     | Dụng cụ cắt đôi, màng bọc thực phẩm và màng nhôm, không có lớp màng bọc/màng nhôm |                 | ZC7C0001 |
| Cho hộc tủ/ ngăn kéo chiều cao M và chiều cao K                                     |                                                                                   |                 |          |
| Chiều dài ray 450 mm trở lên                                                        |                                                                                   |                 |          |

### Khay đựng gia vị

|  | Chiều dài (mm) | Chiều rộng (mm) | OG-M            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                     | 356            | 205             | <b>ZC7G0P0I</b> |
| Dành cho ngăn kéo cao, chiều cao E                                                  |                |                 |                 |

### Khay đựng đĩa

|  | Đĩa Ø (mm) | Chiều cao các vật dụng lưu trữ | OG-M            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|-----------------|
|                                                                                     | 186–322    | Tối đa 12 chiếc đĩa            | <b>ZC7T0350</b> |
| Dành cho ngăn kéo cao, chiều cao E                                                  |            |                                |                 |



Công ty TNHH Blum Việt Nam  
Tầng trệt, Tòa nhà Saigon Mansion  
Số 3 đường Võ Văn Tần  
Phường Võ Thị Sáu  
Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam  
SĐT: 028 3822 3304  
Email: support.bvn@blum.com

Tầng 1, Tòa nhà CT2  
Tràng An Complex  
Số 1 đường Phùng Chí Kiên  
Phường Nghĩa Đô  
Quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam  
SĐT: 024 3359 5999  
Email: support.bvn@blum.com

Julius Blum GmbH  
6973 Höchst, Áo  
ĐT: +43 5578 705-0  
Fax: +43 5578 705-44  
E-mail: info@blum.com  
www.blum.com

Các cơ sở tại Áo, Ba Lan và Trung Quốc của Blum đã được chứng nhận như sau.  
Cơ sở tại Hoa Kỳ của chúng tôi đã được chứng nhận ISO 9001.  
Cơ sở tại Brazil của Blum đã được chứng nhận ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001.



**ISO 9001**  
Certified Quality  
System



**ISO 14001**  
Certified Environmental  
System



**ISO 50001**  
Certified Energy  
System



Tất cả các nội dung thuộc bản quyền của Blum.  
Có thể thay đổi các thông số kỹ thuật và các thay đổi về nhóm ngành hàng mà không cần báo trước.  
IDNR: 000.000.0 - EP-530/5 VI-VN/12.24

Look for our  
FSC™-certified  
products